



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 13.....tháng 7.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Hoàng	
2	M. A. B.	
3	Hoàng	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	ON	
	Máy 3	ON	OFF	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
	Máy 3	ON	OFF	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		50	40	25	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1450	1350	1200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 14 tháng 7 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	D. Anh	
2	S. Tân	
3	T. Tân	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	OFF	ON	ON	
	Máy 4	ON	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
	Máy 3	ON	OFF	OFF	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		50	10	35	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	140	1350	1200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 15 tháng 7 năm 202 4

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	D.A		
2	Hoàn		
3	Tam		
CA 2		CA 3	Ghi chú
	ON	ON	
	ON	OFF	
	OFF	ON	
	OFF	ON	
	ON	OFF	
	OFF	ON	
	ON	OFF	
	ON	ON	
	OFF	OFF	
	ON	OFF	
	OFF	ON	
	ON	ON	
	OFF	OFF	
	OFF	OFF	
	ON	ON	
	OFF	OFF	
	ON	ON	
	ON	ON	
	OFF	OFF	
	ON	ON	
	OFF	OFF	
	ON	ON	
	OFF	OFF	
	40l	30	
	/350	/200	
	/0	/0	
	/ON	/ON	
	✓	✓	
	✓	✓	
	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 4/5/2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	14,5	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các lỗi tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 17 tháng 7 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	141kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày .../.../...tháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1450	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	145 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 12 tháng 2 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1450	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	11kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích ✓; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...?...tháng...?...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1,5kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các icon tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 21 tháng 7 năm 2021

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	11,5 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày/...tháng...../...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	OF	ON	OF	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/450°	/400	/400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/1kg	/0	/0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ON	/ON	/ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 24 tháng 7 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		90	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	100	100	100	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 25 tháng 7 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	500	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1,5 kg	0	0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 26 tháng 7 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	☒	
2	☒	
3	☒	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	ON	OF	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	450	400	400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0	0	0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1415 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 21 tháng 7 năm 2021

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OF	ON	OF	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	14.5kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...30...tháng...7...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...31...tháng.....7...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày .../...tháng.../...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngàytháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	14.5kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngàytháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

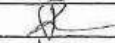
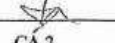
savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON.	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	ON	
	Máy 2	ON	OP	OF	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OP	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OP	ON	
	Máy 2	OP	ON	OP	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OP	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OP	
	Máy 2	OP	OP	ON.	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OP	ON.	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OP	ON	
	Máy 2	OP	ON.	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	OF	
	Máy 2	ON	OP	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OP	OP	
	Máy 2	OP	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OP	OP	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400.	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1,5kg	10	10.	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON.	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓.	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày4....tháng....8....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngàytháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1	1	1	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		N	N	V	
Chiếu sáng phòng máy		N	V	V	
Môi trường phòng máy		N	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...6...tháng...8...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 500	/ 500	/ 400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 4,5 kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày tháng năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
		1			
		2			
		3			
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	115kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngàytháng.....năm 202⁴

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	500	450	400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1 kg	0	0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	N	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày⁹ tháng⁸ năm 202⁴

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1			
2			
3			
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OF		ON	
ON		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		ON	
ON		OF	
OF		OF	
OF		OF	
ON		ON	
ON		OF	
OF		ON	
OF		ON	
ON		OF	
ON		OF	
OF		ON	
OF		ON	
ON		OF	
OF		ON	
40		40	
/ 450		/ 400	
/ 0		/ 0	
/ ON		/ ON	
✓		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ..12..tháng....8....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40.	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 600	/ 550	/ 500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 2kg	/ 0	/ 0.	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON.	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V.	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 12 tháng 1 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DỐI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...14...tháng.....1...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1			
2			
3			
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OP		ON	
ON		OF	
OF		OF	
ON		ON	
OP		ON	
ON		ON	
ON		OF	
OP		OF	
OP		ON	
ON		OP	
ON		ON	
OP		OP	
OP		ON	
ON		OP	
OP		ON	
ON		OF	
OP		ON	
ON		OF	
ON		OF	
40		40	
/500		/450	
10		10	
/ON		/ON	
V		V	
V		V	
V		V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 16 tháng 08 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 17 tháng 8 năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng CA	savills
		1			
		2			
		3			
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OR	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OR	OF	ON	
	Máy 4	OR	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OR	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OR	OR	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OR	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OR	ON	OF	
	Máy 2	ON	OR	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OR	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	500	450	400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 18...tháng 8...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 600	/ 550	/ 500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 2kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		/	/	/	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 19 tháng 1 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Qu	
2	Qu	
3	Qu	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	OF	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	OF	ON	OF	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...20...tháng...8...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1,5 kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 21 tháng 1 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1800	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DỐI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 23 tháng 8 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1			
2			
3			
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
ON		OF	
OF		ON	
ON		ON	
OF		OF	
OF		ON	
OF		ON	
ON		OF	
ON		OF.	
OF		ON	
ON		OF	
ON		OF	
OF		ON	
OF		ON	
ON		OF	
ON		OF	
OF		ON	
OF		ON	
ON		OF	
ON		OF	
OF		ON	
ON		OF	
OF		ON	
50		50	
/ 550		/ 600	
/ 0		/ 0	
/ ON		/ ON	
✓		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DỐI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...24...tháng....8...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		N	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		✓	✓	V'	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 25...tháng...năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
		1			
		2			
		3			
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 25 tháng 8 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1500	1450	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tên tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 27 tháng 1 năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
		1			
		2			
		3			
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OP	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OP	ON	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OP	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OP	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OP	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 28 tháng 1 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	OF	ON	OF	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày/..../..../năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
		1			
		2			
		3			
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	OF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 600	/ 550	/ 500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 2kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...30...tháng...9...năm 202 ^a

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1ON	1ON	1ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày .../.../...tháng.../...năm 202...

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
ON		OF	
ON		OF	
OF		ON	
OF		ON	
ON		OF	
OF		OF	
OF		ON	
ON		ON	
OF		ON	
ON		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		OF	
OF		ON	
OF		ON	
ON		OF	
ON		ON	
OF		OF	
OF		OF	
ON		ON	
OF		ON	
50		50	
/ 550		/ 500	
/ 0		/ 0	
/ ON		/ ON	
✓		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngàytháng.....năm 202 4

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		1	1	1	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày³.....tháng.....².....năm 202⁴

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	0	0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngàytháng.....năm 202 9

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		50	50	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1550	1500	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	12kg	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày6.....tháng.....9.....năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>Phu</i>	
2	<i>Phu</i>	
3	<i>Phu</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	OF	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	45	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	350	300	
	Bồn 2	400	350	300	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 1.5Kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày7.....tháng.....9.....năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	260	350	
	Bồn 2	400	300	250	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1,15 Kg	1,0	1,0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày tháng năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	350	300	
	Bồn 2	400	350	300	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2	10	10	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Thông gió phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DỐI VẬN HÀNH **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...9...tháng...9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>Đ</i>	
2	<i>Đ</i>	
3	<i>Đ</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	45	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	400	
	Bồn 2	400	400	400	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 0	/ 0	/ 0	
	Bồn 2	/ 0	/ 0	/ 0	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 14 tháng 9 năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	<i>[Signature]</i>		
2	<i>[Signature]</i>		
3	<i>[Signature]</i>		
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		OF	
ON		ON	
OF		ON	
40		40	
350		400	
350		400	
/ 0		/ 0	
ON		ON	
ON		ON	
✓		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 11 tháng 9 năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	45	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	400	
	Bồn 2	400	400	400	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày tháng năm 202

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
		1			
		2			
		3			
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	OP	
	Máy 3	OP	OP	ON	
	Máy 4	ON	ON	OP	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Mức nước bồn NAOH		40	45	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/400	1/400	1/400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...13...tháng...9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	45	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	400	
	Bồn 2	400	400	400	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày/...tháng....../...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	45	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	450	
	Bồn 2	400	400	450	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1 Kg	1	1	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...15...tháng....9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 400	/ 400	/ 400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 1Kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 16...tháng...2...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dàn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OP	OP	OP	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OP	OP	OP	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	45	45	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	350	
	Bồn 2	400	400	350	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/0	/0	/0	
	Bồn 2	/0	/0	/0	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 17 tháng 9 năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	102	
2	102	
3	102	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OP	OP	OP	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
	Máy 3	ON	ON	OP	
	Máy 4	OP	OP	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OP	
	Máy 2	OP	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Mức nước bồn NAOH		100	100	100	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	100	100	100	
	Bồn 2	100	100	100	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1/1kg	1/0	1/0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	OP	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DỐI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày .../.../... năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	OF	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	45	45	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 400	/ 400	/ 400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 11kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 19 tháng 9 năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		10	10	10	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/100	1/100	1/100	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1/0	1/0	1/0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...20...tháng...2...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OF	
	Máy 4	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40%	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/400	1/400	1/400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1/0	1/0	1/1Kg	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 24...tháng...9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	OF	OF	ON	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OF	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 400	/ 350	/ 400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 1kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		~	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ..2..tháng....9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	OP	ON	ON	
	Máy 3	ON	OP	OP	
	Máy 4	OP	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OP	OP	OP	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OP	OP	
	Máy 2	OP	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OP	OP	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OP	OP	OP	
Mức nước bồn NAOH		40	45	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/	/	/	
	Bồn 2	/ 100	/ 100	/ 100	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 1kg	/ 0	/ 0	
	Bồn 2	/	/	/	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 24 tháng 9 năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/400	1/400	1/400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DỐI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày25.....tháng..9.....năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>Đ</u>	
2	<u>H</u>	
3	<u>C</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OF</u>	
	Máy 3	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OF</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>40</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>/ 400</u>	<u>/ 400</u>	<u>/ 400</u>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>/ 1Kg</u>	<u>/ 0</u>	<u>/ 0</u>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 25 tháng 9 năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
	Máy 3	OFF	ON	ON	
	Máy 4	ON	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	400	
	Bồn 2	400	400	400	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0	0	0	
	Bồn 2	0	0	0	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...27...tháng...7...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	DA	
2	Huỳnh	
3	Hồng	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
	Máy 3	ON	OFF	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	/ OFF	
	Máy 2	/ OFF	/ OFF	/ OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/ ON	OFF	
	Máy 2	OFF	/	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/ OFF	ON	
	Máy 2	OFF	/	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	ON	
	Máy 2	/ OFF	/ OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	ON	
	Máy 2	/	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	ON	
	Máy 2	/	/	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 400	/ 400	/ 400	
	Bồn 2	/	/	/	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 0	/ 0	/ 0	
	Bồn 2	/	/	/	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		/	/	/	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...22...tháng...9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	DA	
2	Hàn	
3	Tuan	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/ ON	/ OFF	/ ON	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/ ON	ON	/ ON	
	Máy 2		OFF		
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/ OFF	/ OFF	
	Máy 2	OFF			
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/ OFF	OFF	
	Máy 2	OFF		ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/ OFF	OFF	
	Máy 2	OFF		ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 400	/ 400	/ 400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 1	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...29...tháng.....9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Tuấn	
2	Hùng	
3	Huân	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OFF	OFF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NaOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NaOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...30...tháng...9...năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>Hoàng</u>	
2	<u>Tiến</u>	
3	<u>Huyền</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>400</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>1400</u>	<u>1400</u>	<u>1400</u>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>1</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 1.....tháng 10.....năm 202

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	K	
2	V	
3	M	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	140	140	140	
	Bồn 2	140	140	140	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1015 kg	10	10	
	Bồn 2	1015 kg	10	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 2...tháng 10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Quang	
2	Tuấn	
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OFF	OFF	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	350	350	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	0	1 kg	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)			ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...3....tháng....10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Đ. Anh	
2	T. Văn	
3	S. ...	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	g	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OFF	g	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	OFF	ON	g	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	g	
	Máy 2	OFF	OFF	g	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	g	
	Máy 2	OFF	OFF	g	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	g	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	g	
	Máy 2	OFF	OFF	g	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	g	
	Máy 2	OFF	OFF	g	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	350	350	
	Bồn 2	350	350	350	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	4	
	Bồn 2	10	10	4	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...4...tháng...10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<u>W</u>	
2	<u>Ch</u>	
3	<u>h</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>50</u>	<u>30</u>	<u>70</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>1400</u>	<u>1350</u>	<u>300</u>	
	Bồn 2	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
	Bồn 2	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày tháng năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Tuấn	
2		
3	Đức	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	ON	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		413	30	30	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1350	200	1350	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	10	118	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày tháng năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>gmv</i>	
2	<i>Tuan</i>	
3	<i>ky</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>of</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>of</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>of</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>of</i>	
	Máy 4	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>of</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>of</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>of</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>of</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>on</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>30</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1400</i>	<i>1400</i>	<i>1400</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>1 kg</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 17 tháng 10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1			
2	T.		
3			
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		/ ON	
ON		/ ON	
OFF		OFF	
OFF		ON	
ON		OFF	
OFF		ON	
ON		OFF	
/ OFF		/ OFF	
OFF		OFF	
ON		ON	
/ OFF		/ OFF	
v			
OFF		OFF	
ON		ON	
/ OFF		/ OFF	
/ OFF		/ OFF	
40		40	
/ 350		/ 300	
10		/ 0	
ON		/ ON	
ON		/ ON	
✓		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngàytháng 10.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Son	
2	Quang	
3	Phan	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	on	ON	on	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	g	OFF	OF	
	Máy 2	on	on	on	
	Máy 3	g	ON	OF	
	Máy 4	on	OFF	on	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	on	OFF	on	
	Máy 2	g	on	OF	
	Máy 3	on	on	on	
	Máy 4	g	OFF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/g	OFF	/OF	
	Máy 2	/g	on		
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	g/	/OFF	OF	
	Máy 2	g/		on	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	g/	OFF	/OF	
	Máy 2		on		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	g	/OFF	/OF	
	Máy 2	on			
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	g/	/OFF	/OF	
	Máy 2	g/			
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	g/	/OFF	/OF	
	Máy 2	g/			
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	/350	/20	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0/	/0	0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		on/	/on	/on	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...9...tháng...10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>h</u>	
2	<u>Tuấn</u>	
3	<u>Đ</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2		<u>ON</u>		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>40</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>1400</u>	<u>1400</u>	<u>1350</u>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>✓</u>	<u>ON</u>	<u>✓</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	Thủy		
2			
3	ĐA		
CA 2		CA 3	Ghi chú
	on	ON	
	CR	OFF	
	for	ON	
	CR	ON	
	CR	OFF	
	for	ON	
	CR	ON	
	CR	OFF	
	for	ON	
	CR	OFF	
	for	1 OFF	
	for	OFF	
	for	ON	
	for	OFF	
	ON	ON	
	CR	1 OFF	
	ON	1 OFF	
	ON		
	ON	35	
	for 200	1380	
	for	1 100	
	for	1 ON	
	✓	✓	
	✓	✓	
	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...11/ tháng...10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	h/s		
2	T. V. V.		
3	PA		
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
ON		ON	
OFF		OFF	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày tháng Năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
		1	<i>h7</i>		
		2	<i>h7</i>		
		3	Tuan		
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/30	200	1/30	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)				ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...12...tháng 10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	DT	
2	DT	
3	DT	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	350	350	
	Bồn 2	350	350	350	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2	10	10	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...14...tháng...10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	/ ON	
	Máy 3	ON	ON	/ ON	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	/ ON	
	Máy 3	OFF	ON	/ ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ ON	/ ON	
	Máy 2	/ OFF	/ ON	/ ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	/ ON	ON	
	Máy 2	ON	/ ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	/ ON	
	Máy 2	/ OFF	ON	/ ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	/ ON	
	Máy 2	/ OFF	ON	/ ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	/ ON	
	Máy 2	/ OFF	ON	/ ON	
Mức nước bồn NAOH		40	30	30	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 250	/ 200	/ 300	
	Bồn 2	/ 250	/ 200	/ 300	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 0	/ 0	/ 0	
	Bồn 2	/ 0	/ 0	/ 0	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		/ ON	/ ON	/ ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...15...tháng...10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>PN</u>	
2	<u>Quan</u>	
3	<u>Vuong</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	
	Máy 2	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	
	Máy 2	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 ON</u>	
	Máy 2	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 ON</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	
	Máy 2	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>45</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>150</u>	<u>1350</u>	<u>1350</u>	
	Bồn 2	<u>150</u>	<u>1350</u>	<u>1350</u>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10.5</u>	
	Bồn 2	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10.5</u>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÔI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>Giáp</u>	
2	<u>Tấn</u>	
3	<u>h</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>/ ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OFF</u>		
	Máy 4	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>/ ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OFF</u>		
	Máy 4	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>/ OFF</u>	<u>/ OFF</u>	<u>/ OFF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>/ OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>/ OFF</u>	
	Máy 2		<u>ON</u>		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>/ OFF</u>	<u>/ OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>			
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>/ OFF</u>	<u>/ OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>			
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>/ OFF</u>	<u>/ OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>			
Mức nước bồn NAOH		<u>50</u>	<u>40</u>	<u>40</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>/ 350</u>	<u>/ 350</u>	<u>/ 350</u>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>/ 0</u>	<u>/ 2</u>	<u>/ 1 kg</u>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>/ ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>/ ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ... tháng ... năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>OK</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 3	<i>OK</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>300</i>	<i>350</i>	<i>350</i>	
	Bồn 2	<i>300</i>	<i>350</i>	<i>350</i>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>1.14</i>	<i>1.0</i>	<i>1.0</i>	
	Bồn 2	<i>1.14</i>	<i>1.0</i>	<i>1.0</i>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...18 tháng ...10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>huy</i>	
2	<i>Tyân</i>	
3	<i>Ánh</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>on</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 3	<i>OK</i>	<i>on</i>	<i>OK</i>	
	Máy 4	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 3	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>OK</i>	
	Máy 4	<i>OK</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>60</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>300</i>	<i>1300</i>	<i>1300</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>12</i>	<i>10</i>	
	Bồn 2				
Trình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ..11..tháng..10..năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<u>ĐH</u>	
2	<u>Tuan</u>	
3	<u>KS</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>40</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>350</u>	<u>300</u>	<u>350</u>	
	Bồn 2	<u>350</u>	<u>300</u>	<u>350</u>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>11 kg</u>	
	Bồn 2	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>11 kg</u>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 20 tháng 10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Ph	
2	Ph	
3	Ph	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	70	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	300	200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	11/8	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 21 tháng 10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Sun	
2	Li	
3	Tuan	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	on	on	on	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	g	on	off	
	Máy 2	on	on	on	
	Máy 3	g	on	off	
	Máy 4	on	on	on	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	g	on	off	
	Máy 2	on	on	on	
	Máy 3	g	on	on	
	Máy 4	on	on	off	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	1-g	1-0	1-off	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	on	on	off	
	Máy 2	g	on	on	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	g/	on	1-off	
	Máy 2		on		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	g	on	off	
	Máy 2	on	on	on	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	g/	1-off	1-off	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	g/	1-off	1-off	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		40	70	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	300/	200	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0/	1.68	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		on/	1-on	on	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)				on	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ..22..tháng ..10..năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>DT</u>	
2	<u>Đu</u>	
3	<u>huy</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>g</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>on</u>	<u>on</u>	
	Máy 3	<u>OFF</u>	<u>g</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>on</u>	<u>on</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>g</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>on</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>on</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>OFF</u>	<u>g</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>/OFF</u>	<u>/g</u>	<u>/OFF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>g</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>		<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>/OFF</u>	<u>on</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2		<u>g</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>g</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>		<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>/OFF</u>	<u>g</u>	<u>/OFF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>/OFF</u>	<u>g</u>	<u>/OFF</u>	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>40</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>/400</u>	<u>350</u>	<u>/400</u>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>/0</u>	<u>0</u>	<u>/1kg</u>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>/ON</u>	<u>ON</u>	<u>/ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày/.. tháng/.. năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	ĐD	
2	ĐD	
3	ĐD	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	OK	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OF	OK	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OK	
	Máy 3	ON	OF	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OK	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	OF	
	Máy 2	OFF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	OK	
	Máy 2	OFF	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OK	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	OK	
	Máy 2	OFF	OF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	OK	
	Máy 2	OFF	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	70	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	400	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	11 kg	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...24...tháng...10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>ĐH</u>	
2	<u>Tuấn</u>	
3	<u>Trần</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OF</u>	
	Máy 4	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OF</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OF</u>	
Trạng thái bơm bầm (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OF</u>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>1 OFF</u>	<u>1 OFF</u>	<u>1 OF</u>	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>40</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>1450</u>	<u>1350</u>	<u>1350</u>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>1 ON</u>	<u>ON</u>	<u>1 ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>1</u>	<u>ON</u>	<u>1</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 2...5...tháng...1...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	Tuan	
3	ky	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	/OFF	
	Máy 3	OFF	OFF		
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	/OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	OFF	OFF	
	Máy 2		ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	/OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Mức nước bồn NAOH		80	90	90	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	300	/300	/400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/0	/0	/1kg	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ON	ON	/OFF	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)			ON		
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ..06..tháng..10..năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>[Signature]</u>	
2	<u>Trần</u>	
3	<u>[Signature]</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	<u>OFF</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>50</u>	<u>40</u>	<u>50</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>200</u>	<u>300</u>	<u>350</u>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>11kg</u>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>OFF</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)			<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>50</i>	<i>55</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>40</i>	<i>350</i>	<i>1300</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>1015</i>	<i>10</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...28... tháng ...10... năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	OFF	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		400	40	110	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1200	1300	1300	
	Bồn 2	1200	1300	1300	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	100	10	10	
	Bồn 2	100	10	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		OFF	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		OFF	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 19 tháng 10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>huy</u>	
2	<u>huy</u>	
3	<u>Tuan</u>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 3	<u>OF</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>OF</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>40</u>	<u>40</u>	<u>40</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>400</u>	<u>400</u>	<u>300</u>	
	Bồn 2	<u>400</u>	<u>400</u>	<u>300</u>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
	Bồn 2	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...0 tháng ...10 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1450</i>	<i>300</i>	<i>450</i>	
	Bồn 2			<i>300</i>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>0.50g</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...3/1...tháng...10...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	DN		
2	LT		
3	N		
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OF		ON	
/ ON		ON ON	
OF		ON	
ON		ON	
/ OF		ON ON ON	
ON		ON	
/ OF		ON	
OF		ON	
ON		ON	
OF		ON	
ON		ON	
/ OF		ON ON	
ON		ON	
OF		ON	
ON		ON	
OF		ON	
ON		ON	
/ OF		ON ON	
ON		ON	
OF		ON	
ON		ON	
OF		ON	
ON		ON	
/ 300		200	
/ 0		/ 0	
/ ON		/ ON	
✓		✓	
✓		✓	
✓			

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 4.....tháng 11.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2		
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	CR	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	ON	CR	1 OF	
	Máy 3	ON	ON		
	Máy 4	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	1 OF	1 OF	1 OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	1 OF	ON	ON	
	Máy 2		ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	1 OF	ON	OF	
	Máy 2		CR	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	1 OF	OF	ON	
	Máy 2		ON	OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	1 OF	ON	ON	
	Máy 2		CR	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	1 OF	ON	ON	
	Máy 2		CR	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	200	20	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/400	300	1/300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 2 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2		
3	15	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		400	400	400	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1400	1350	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày/...tháng.../...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Phu	
2	Phu	
3	Phu	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	OF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	OF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2				
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		0.0	40.		
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1000	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		✓	✓	✓	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 4.....tháng.....11.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	h	
2	Phong	
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	off	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	off	OF	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	/OF	OF	ON	
	Máy 3		OF	ON	
	Máy 4	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/OF	/OF	/OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/OF	/OF	ON	
	Máy 2			OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/OF	/OF	/OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/OF	/OF	/OF	
	Máy 2				
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/OF	/OF	ON	
	Máy 2			OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/OF	/OF	ON	
	Máy 2			OF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	50	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/400	/400	/400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/0	/0	/0,5	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ON	/ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		/ON	/ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngàytháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dòng tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 3	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1 OK</i>	<i>1 OK</i>	<i>1 OK</i>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1 OK</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2		<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1 OK</i>	<i>ON</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2		<i>OK</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1 OK</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2		<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1 OK</i>	<i>ON</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2		<i>OK</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1 OK</i>	<i>ON</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2		<i>OK</i>	<i>ON</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1680</i>	<i>1680</i>	<i>200</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>118</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>1 ON</i>	<i>1 ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>			
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...6...tháng...11...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Đ	
2	L	
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	OFF	/ON	OK	
	Máy 3	ON		OK	
	Máy 4	OFF	OF	OK	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OK	
	Máy 2	OFF	ON	OK	
	Máy 3	ON	OF	OK	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OF	/OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	ON	OK	
	Máy 2		OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	ON	OK	
	Máy 2		OF	OK	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	ON	OK	
	Máy 2		OF	OK	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	ON	/ON	
	Máy 2		OF		
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	ON	/ON	
	Máy 2		OF		
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/300	/350	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/0	/0	/0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ON	/ON	/ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 27 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	T. Phan	
2		
3	H. N	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OK	ON	OF	
	Máy 2	ON	OK	/ ON	
	Máy 3	OK	ON		
	Máy 4	ON	OK	OF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OK	OK	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
	Máy 3	ON	OK	ON	
	Máy 4	OK	ON	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OF	/ OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OK	ON	
	Máy 2	ON	ON	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OK	ON	/ OF	
	Máy 2	ON	OK		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	OK	/ OF	
	Máy 2		ON		
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/ OK	ON	ON	
	Máy 2		OK	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/ OK	ON	ON	
	Máy 2		ON	OF	
Mức nước bồn NAOH		40	100	10	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 300	300	/ 100	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	/ 2	/ 0	/ 0.5 kg	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON			
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Minh	
2	Tuan	
3	Ken	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OFF	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1400	1300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày tháng 05 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	Huỳnh		
2	Tuan		
3	5		
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OFF		OFF	
ON		/ON	
ON			
OFF		OFF	
ON		ON	
OFF		/OFF	
OFF			
ON		ON	
/OFF		/OFF	
ON		OFF	
OFF		ON	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF		/OFF	
/OFF</			

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...10...tháng...11...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Tuan	
2		
3	on	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1400	1300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngàytháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Thao	
2	Ca	
3	Ph	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	on	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	Off	off	OFF	
	Máy 2	ON	on	ON	
	Máy 3	ON	g	ON	
	Máy 4	Off	on	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	on	ON	
	Máy 2	Off	g	OFF	
	Máy 3	Off	on	ON	
	Máy 4	ON	g	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/Off	/g	/OFF	
	Máy 2	/Off	/g	/OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/Off	g	OFF	
	Máy 2	/Off	g	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/Off	g	OFF	
	Máy 2	/Off	g	ON	
Trạng thái bơm NaOH (start/stop/fault)	Máy 1	/Off	g	/OFF	
	Máy 2	/Off	on	/OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/Off	g	/OFF	
	Máy 2	/Off	g	/OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/Off	g	/OFF	
	Máy 2	/Off	g	/OFF	
Mức nước bồn NaOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/400	400	/300	
	Bồn 2	/400	400	/300	
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	/0	/0	/0	
	Bồn 2	/0	/0	/0	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 12 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	<i>H</i>		
2	<i>Hồng</i>		
3	<i>T dân</i>		
CA 2		CA 3	Ghi chú
<i>ON</i>		<i>ON</i>	
<i>ON</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>ON</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>ON</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>ON</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	
<i>OFF</i>		<i>ON</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...13...tháng...04...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>OF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>ON</i>	<i>OK</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>OF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>OK</i>	<i>ON</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OF</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>OK</i>	<i>OF</i>	<i>OK</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OK</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OK</i>	<i>OK</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>40</i>	<i>55</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>200</i>	<i>1/200</i>	<i>1/400</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>1.5g</i>	<i>1/0</i>	<i>1/0</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 14 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	OFF	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	400	
	Bồn 2	400	400	400	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2	10	10	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày .../...tháng...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	DA	
2	DA	
3	DA	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	/ ON	
	Máy 3	ON	ON		
	Máy 4	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	/ OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	ON	
	Máy 2		OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	ON	
	Máy 2		OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 300	/ 300	/ 300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 0	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		/	ON	/	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ..1/.....tháng 1/.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Thay	
2	Tuan	
3	Lin	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	/ON	
	Máy 3	ON	OFF		
	Máy 4	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	/OFF	
	Máy 3	ON	ON		
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	/OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	ON	OFF	
	Máy 2		OFF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	/OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Mức nước bồn NAOH		65	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/450	/400	/370	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10,5	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	/ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	/ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày/...tháng.../...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	ĐH	
2	T. Nguyễn	
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	100	100	200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	100	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 1 tháng 1 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>Hoàng</u>	
2	<u>Tuan</u>	
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OFF	ON	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2			ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2			ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2			ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2			ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2			ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	300	300	400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 19 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
1	Sa		
2	KS		
3	Tuan		

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dòng tín hiệu trên tủ	ON/OFF	on	on	on	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	off	
	Máy 2	g	/on	on	
	Máy 3	g		off	
	Máy 4	on	g	on	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	on	on	off	
	Máy 2	g	off	on	
	Máy 3	on	on	off	
	Máy 4	g	g	on	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/g	/off	/off	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	on	/off	on	
	Máy 2	g		off	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	g/	/off	off	
	Máy 2			on	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	on	/off	/off	
	Máy 2	g			
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	g/	/off	/off	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	g/	/off	/off	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400/	/350	/300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0/	/0	/0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		on/	/on	on	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)				on	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓		

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 20 tháng 6 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	OFF	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	350	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 24 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Nguyễn Văn Tuấn	
2		
3	Tuấn	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Mức nước bồn NAOH				40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	300	1300	
	Bồn 2	1400			
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1	10	10	
	Bồn 2	0			
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 22 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>OP</i>	
2	<i>TK</i>	
3	<i>LT</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OK	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OK	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OK	/OFF	
	Máy 3	OFF	ON	/	
	Máy 4	ON	OK	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	/OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	OK	ON	
	Máy 2		ON	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	ON	/OFF	
	Máy 2		OK		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	/OFF	/OFF	
	Máy 2				
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	OK	/OFF	
	Máy 2		ON		
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/OFF	OK	/OFF	
	Máy 2		ON		
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/300	250	/400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/0	/0	/0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ON	/ON	/ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 22 tháng 01 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Tuan	
2	DP	
3	U	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	OFF	ON	
	Máy 3	ON	OFF	ON	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1300	200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	11kg	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 24 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Tuấn	
2	Kỳ	
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	OFF	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
	Máy 3	OFF	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	800	
	Bồn 2	400	400	800	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10,5	10	
	Bồn 2	10	10,5	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	OFF	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	OFF	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các icon tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 25 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>M. B. C.</i>	
2	<i>T. B. C.</i>	
3		

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	CR	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	CR	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	ON	CR	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	CR	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 OFF	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 OFF	ON	
	Máy 2			CR	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	1 ON	1 OFF	1 ON	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 OFF	1 ON	
	Máy 2				
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	1 ON	1 OFF	1 ON	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 OFF	1 ON	
	Máy 2			ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40		
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/400	1/400	200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	100	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON		
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓		

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 26 tháng 06 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2	Tuan	
3	AT	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	on	on	on	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	on	
	Máy 2	g	on	off	
	Máy 3	on	on	off	
	Máy 4	g	off	on	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	off	
	Máy 2	g	on	off	
	Máy 3	on	off	on	
	Máy 4	g	on	off	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	on	1 off	1 off	
	Máy 2	g			
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	on	1 off	1 off	
	Máy 2	on			
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	g/	1 off	1 g	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	on	1 off	1 off	
	Máy 2	g			
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	g/	1 off	1 off	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	g/	1 off	1 off	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350/	300	1280	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1	1	1	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		on/	on	on	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)			on	on	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...28...tháng...11...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>h</i>	
2	<i>Tiến</i>	
3	<i>h</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>off</i>	
	Máy 3	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>off</i>	
	Máy 4	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>on</i>	
	Máy 3	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>on</i>	
	Máy 4	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>off</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>off</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>off</i>	<i>off</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>110</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1400</i>	<i>1350</i>	<i>1350</i>	
	Bồn 2	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
	Bồn 2	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...24...tháng...11...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>h</i>	
2	<i>h</i>	
3	<i>Tuấn</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dòng tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>CF</i>	<i>OF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>fan</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3		<i>OF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>CF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>fan</i>	<i>OF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3		<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 4	<i>OF</i>	<i>OF</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>/ CF</i>	<i>/ OF</i>	<i>/ OFF</i>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>/ OF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>CF</i>		<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OF</i>	<i>/ OF</i>	<i>/ OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>			
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>/ OF</i>	<i>/ OFF</i>	
	Máy 2	<i>CF</i>			
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>CF</i>	<i>/ OF</i>	<i>/ OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>			
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OF</i>	<i>/ OF</i>	<i>/ OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>			
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>/ 350</i>	<i>/ 300</i>	<i>/ 300</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	<i>/ 0</i>	<i>/ 0</i>	<i>/ 0</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>fan</i>	<i>/ ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)				<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>Tuấn</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1300	300	1300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 30 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>[Signature]</i>	
2	<i>[Signature]</i>	
3	<i>[Signature]</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	ON	
	Máy 3	ON	ON		
	Máy 4	OFF	CR	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	CR	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	ON	OFF		
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2		OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2		ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2		CR	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2		OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2		OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	300	550	400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 11 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1	Vũ Văn		
2	11/12/24		
3	11/12/24		
CA 2		CA 3	Ghi chú
CN		CN	
CR		CR	
CN		CN	
CN		CR	
CR		CN	
CN		CN	
CR		CR	
CR		CN	
CN		CR	
/CR		/CR	
CR		/CN	
CN		/CN	
CN		/CN	
CR		CR	
CN		CN	
CN		/CR	
CR		/CN	
CN		/CN	
CR		CR	
CN		40	
400		350	
/10,5kg		/0	
/CN		/CN	
✓		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...2...tháng...12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Tuan	
2	Xuân	
3	h	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	CN	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OF	
	Máy 2	ON	OF	CN	
	Máy 3	ON	OF	CR	
	Máy 4	OFF	ON	CN	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OF	CN	
	Máy 2	ON	ON	CR	
	Máy 3	OFF	OF	CN	
	Máy 4	ON	ON	CR	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 OF	1 OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	ON	OF	
	Máy 2		OF	CN	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 OF	ON	
	Máy 2			CR	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	ON	1 ON	
	Máy 2		OF		
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	OF	1 ON	
	Máy 2		OF		
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	ON	1 ON	
	Máy 2		OF		
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1350	1380	320	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON		
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 3 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1	Son		
2	Tuan		
3	Ph		

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	on	on	on	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	off	
	Máy 2	g	on	on	
	Máy 3	on	on	on	
	Máy 4	g	off	off	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	off	
	Máy 2	g	on	on	
	Máy 3	g	off	on	
	Máy 4	on	on	off	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	off	off	off	
	Máy 2	off	on	on	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	off	
	Máy 2	g	on	on	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	g	off	off	
	Máy 2	g	off	off	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	off	
	Máy 2	g	off	off	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	g	off	off	
	Máy 2	g	off	off	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	g	off	off	
	Máy 2	g	off	off	
Mức nước bồn NAOH		40	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	300	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0	0	0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		on	on	on	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		on	on	on	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 04 tháng 01 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2	Tuan	
3	DP	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OFF	OFF	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	ON	
	Máy 3	OFF	ON	OFF	
	Máy 4	ON	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	110	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	350	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	12	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngàytháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1	<i>Phuc</i>		
2	<i>Hieu</i>		
3	<i>Tuan</i>		

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đền (tên hiệu trên tủ)	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>400</i>	<i>400</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1200</i>	<i>400</i>	<i>1400</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...6...tháng...12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	DP	
2	Sn	
3	hij	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	g	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	g	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OF	
	Máy 2	OFF	g	/ ON	
	Máy 3	OFF	ON		
	Máy 4	ON	g	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	g/	/ OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	ON	
	Máy 2		g	OF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	g/	ON	
	Máy 2			OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	g/	ON	
	Máy 2			OF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	ON	
	Máy 2		g	OF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	ON	
	Máy 2		g	OF	
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 300	300/	/ ON	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 0	0	/ 0.5/4	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	ON/	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 7 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	B. M. M.	
2	A	
3	B	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		300	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	130	130	
	Bồn 2	300			
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	1 kg	10	10	
	Bồn 2	0			
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		ON	ON	ON	
Chiếu sáng phòng máy		ON	ON	ON	
Môi trường phòng máy		ON	ON	ON	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ..8.....tháng..12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Tuấn	
2	Ngay	
3	ĐH	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	ON	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	OFF	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 ON	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	ON	OFF	
	Máy 2		ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 ON	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	ON	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 ON	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	1 ON	1 OFF	
	Máy 2				
Mức nước bồn NAOH		40	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1300	400	1500	
	Bồn 2		400		
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	0	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	1 ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày/...tháng../...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA	
1			
2			
3			

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	OFF	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	ON	OFF	ON	
	Máy 3	ON	ON	OFF	
	Máy 4	ON	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	FOR	/OFF	PPF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	/OFF	OFF	
	Máy 2	ON		ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	FOR	ON	/OFF	
	Máy 2		OFF		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/OFF	/OFF	
	Máy 2	ON			
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	/OFF	/OFF	
	Máy 2	ON			
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/OFF	/OFF	
	Máy 2	ON			
Mức nước bồn NAOH		40	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	/350	/300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	10	/0	/0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		FOR	/ON	/ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 10 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1	SN		
2	K		
3	LS		
CA 2		CA 3	Ghi chú
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		on	
on		/ of	
on		on	
on		/ of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	
on		of	
on		on	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ..11..tháng..12..năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
		1			
		2			
		3			
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OFF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	OF	OFF	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OFF	
	Máy 2	ON	OF	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OFF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	OFF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	350	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	0/	0	0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)				ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 12...tháng 12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1			
2			
3			

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	OF	OF	OF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	ON	ON	
	Máy 2	OF	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	400	200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	0	10	
	Bồn 2		0		
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 13 tháng 02 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	LS	
2	Moony	
3		



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	OFF	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		80	65	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	ON	ON	ON	
	Bồn 2	ON	ON	ON	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2	10	10	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tần tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 14 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1			
2			
3	PR		

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OFF	
	Máy 2	ON	OF	OFF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	OF	OF	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	/ OF	/ OFF	
	Máy 2	OF	/ OF	/ OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OFF	
	Máy 2	OF	OF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/ OF	OFF	
	Máy 2	OF	/ OF	OF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	/ OF	/ OFF	
	Máy 2	OF	/ OF	/ OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	/ OF	/ OFF	
	Máy 2	OF	/ OF	/ OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	/ OFF	
	Máy 2	OF	OF	/ OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 450	/ 350	/ 300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	/ 0.5	/ 0	/ 0	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		OFF	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	/ ON	/ ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...15...tháng...12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	Tuan	
2	han	
3	Moan	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	OF	OF	
	Máy 2	OF	ON	ON	
	Máy 3	OF	OF	OF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OF	ON	ON	
	Máy 4	ON	OF	OF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	OF	
	Máy 2				
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2			ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OF	OF	ON	
	Máy 2			ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	80	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	350	300	350	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0	0	0,5	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON		ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 16 tháng 11 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<i>ph</i>	
2	<i>h</i>	
3	<i>h</i>	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 3	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 4	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 3	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 4	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Máy 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Bồn 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
	Bồn 2	<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	
Môi trường phòng máy		<i>on</i>	<i>on</i>	<i>on</i>	

Ghi chú tình trạng, các icon tại cửa hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 11 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	<u>h</u>	
2	<u>h</u>	
3	<u>Tuấn</u>	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Bồn 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
	Bồn 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Môi trường phòng máy		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt: Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 18 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	15	
2	Su	
3	Tuan	

savills

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	on	on	on	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	off	off	on	
	Máy 2	on	on	off	
	Máy 3	off	off	off	
	Máy 4	on	on	on	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	off	off	on	
	Máy 2	on	on	off	
	Máy 3	off	off	off	
	Máy 4	on	on	on	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	off	on	off	
	Máy 2	off	off	off	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	on	off	on	
	Máy 2	off	off	off	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	off	off	off	
	Máy 2	off	off	off	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	off	off	off	
	Máy 2	off	off	off	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	on	on	on	
	Máy 2	off	off	off	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	on	on	on	
	Máy 2	off	off	off	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1400	1400	
	Bồn 2	1400	1400	1400	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	0	10	
	Bồn 2	10	0	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		on	on	on	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		on	on	on	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...4...2...tháng...12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	OFF	
	Máy 3	OFF	ON	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	ON	ON	ON	
Mức nước bồn NAOH		20	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1/4	2/3	1/3	
	Bồn 2	1/4	2/3	1/3	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2	10	10	10	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...26...tháng..12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<u>Macay</u>	
2	<u>ky</u>	
3	<u>rr</u>	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
	Máy 3	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 4	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>OFF</u>	
	Máy 2	<u>ON</u>	<u>OF</u>	<u>ON</u>	
Mức nước bồn NAOH		<u>50</u>	<u>50</u>	<u>60</u>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<u>1/400</u>	<u>1/350</u>	<u>1/300</u>	
	Bồn 2	<u>1/400</u>	<u>1/350</u>	<u>1/300</u>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
	Bồn 2	<u>10</u>	<u>10</u>	<u>10</u>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<u>ON</u>	<u>ON</u>	<u>ON</u>	
Hệ Thống PCCC		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Chiếu sáng phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	
Môi trường phòng máy		<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày ...2...tháng...12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	<i>Nguyễn</i>	
2	<i>Nguyễn</i>	
3	<i>PT</i>	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1/ON</i>	<i>1/ON</i>	<i>1/OFF</i>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1/ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2		<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1/ON</i>	<i>ON</i>	<i>1/OFF</i>	
	Máy 2		<i>ON</i>		
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1/ON</i>	<i>ON</i>	<i>1/OFF</i>	
	Máy 2		<i>ON</i>		
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1/ON</i>	<i>1/ON</i>	<i>1/OFF</i>	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>1/ON</i>	<i>1/ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2			<i>OFF</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>55</i>	<i>50</i>	<i>60</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1/200</i>	<i>300</i>	<i>1/300</i>	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>1/ON</i>	<i>1/ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>1/ON</i>	<i>1/ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 2...2...tháng 12...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Tuấn	
2	Phong	
3	OK	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
	Máy 3	OFF	ON	OFF	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	1400	1400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA
1	Huỳnh	
2	Tuấn	
3		



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	CR	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	ON	OFF	CR	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	CR	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OFF	OFF	CR	
	Máy 4	ON	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	CR	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	CR	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	ON	OFF	
	Máy 2	OFF	OFF	ON	
Mức nước bồn NAOH		40	40	40	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1600	1350	200	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	0	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 24 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA	
1	<i>John</i>		
2	<i>Tuan</i>		
3	<i>h</i>		

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Dền tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 4	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>40</i>	<i>40</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1480</i>	<i>1350</i>	<i>300</i>	
	Bồn 2	<i>1480</i>	<i>1350</i>	<i>300</i>	
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
	Bồn 2	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	
Môi trường phòng máy		<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy nước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)



**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 25 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1	DT	
2	KT	
3	KT	



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OFF	OFF	ON	
	Máy 2	OFF	ON	OK	
	Máy 3	OFF	OFF	ON	
	Máy 4	ON	ON	OK	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	OK	
	Máy 2	OFF	/ OFF	ON	
	Máy 3	ON	/	OK	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	/ OK	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	/ ON	
	Máy 2		OFF		
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	/ OFF	/ ON	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	OK	
	Máy 2		OFF	ON	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	OK	
	Máy 2		OFF	ON	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	/ OFF	ON	OK	
	Máy 2		OFF	ON	
Mức nước bồn NAOH		60	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	/ 300	/ 400	LED	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (lg)	Bồn 1	/ 0	/ 0	/ 100g	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		/ ON	/ ON	/ ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng CA	savills
1			
2			
3	Tuan		

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OPP	OFF	
	Máy 2	OP	OP	ON	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OP	OFF	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OFF	OFF	
	Máy 2	ON	ON	ON	
	Máy 3	OP	ON	ON	
	Máy 4	ON	OFF	OFF	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OFF	OFF	
	Máy 2	OP	OFF	OFF	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	OFF	
	Máy 2	OP	OFF	ON	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OFF	OFF	
	Máy 2	OP	ON	OFF	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OFF	OFF	
	Máy 2	OP	OFF	OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	OP	OFF	OFF	
	Máy 2	OP	OFF	OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	OP	ON	OFF	
	Máy 2	OP	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		50	60	90	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	400	300	300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON	ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON	ON	ON	
Hệ Thống PCCC		V	V	V	
Chiếu sáng phòng máy		V	V	V	
Môi trường phòng máy		V	V	V	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ..22..tháng...../..năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca
1		
2		
3		



TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	CW	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	CW	OFF	OFF	
	Máy 2	CR	OFF	ON	
	Máy 3	CW	ON	OFF	
	Máy 4	CR	OFF	ON	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	CR	ON	OFF	
	Máy 2	CW	OFF	ON	
	Máy 3	CR	ON	OFF	
	Máy 4	CW	OFF	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	FOR	1 OFF	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	OR	ON	ON	
	Máy 2	CW	OFF	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	CW	1 OFF	1 OFF	
	Máy 2	CR			
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	1 OR	1 OFF	ON	
	Máy 2			OFF	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	CW	1 OFF	ON	
	Máy 2	CR		OFF	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	CW	ON	ON	
	Máy 2	CR	OFF	OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	60	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	320	1 300	1 400	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10.5kg	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		1 ON	1 ON	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)					
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tần tại cửa hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày 24 tháng 12 năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	 savills
1	CC		
2	DP		
3	KS		
CA 2		CA 3	Ghi chú
ON		ON	
OFF		OFF	
OFF		ON	
ON		OFF	
OFF		ON	
OFF		ON	
ON		OFF	
OFF		ON	
ON		OFF	
/ ON		/ OFF	
ON		ON	
OFF		OFF	
/ OFF		ON	
		OFF	
/ OFF		OFF	
		ON	
/ OFF		OFF	
		ON	
ON		OFF	
OFF		ON	
60		60	
/ 300		/ 400	
/ 0		/ 0	
/ ON		/ ON	
✓		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngàytháng.....năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1	Tuan		
2	S		
3	DN		

TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	ON	ON	ON	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	ON	ON	ON	
	Máy 2	OFF	g	OFF	
	Máy 3	ON	ON	ON	
	Máy 4	OFF	g	OFF	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	ON	g	OFF	
	Máy 2	OFF	ON	ON	
	Máy 3	ON	g	OFF	
	Máy 4	OFF	ON	ON	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	ON	1 OFF	
	Máy 2		g		
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	ON	ON	
	Máy 2		g	OFF	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	g/	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	g/	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	g/	1 OFF	
	Máy 2				
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	1 OFF	g/	ON	
	Máy 2			OFF	
Mức nước bồn NAOH		40	40	60	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	1400	900	1300	
	Bồn 2				
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	10	10	10	
	Bồn 2				
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		ON	ON/	1 ON	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		ON			
Hệ Thống PCCC		✓	✓	✓	
Chiếu sáng phòng máy		✓	✓	✓	
Môi trường phòng máy		✓	✓	✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)

**NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngàytháng.....năm 2024

		CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	savills
		1	<i>Phạm Tuấn</i>		
		2	<i>Phạm Tuấn</i>		
		3	<i>Phạm Tuấn</i>		
TRẠNG THÁI TRANG THIẾT BỊ		CA 1	CA 2	CA 3	Ghi chú
Đèn tín hiệu trên tủ	ON/OFF	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái máy thổi khí (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 4	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm tuần hoàn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 3	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 4	<i>Y</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm bùn (start/stop/fault)	Máy 1	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm điều hòa (start/stop/fault)	Máy 1	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>ON</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm nước sạch (start/stop/fault)	Máy 1	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái bơm NAOH (start/stop/fault)	Máy 1	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái máy khuấy (start/stop/fault)	Máy 1	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
	Máy 2	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Trạng thái bơm định lượng (start/stop/fault)	Máy 1	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>ON</i>	
	Máy 2	<i>Y</i>	<i>OFF</i>	<i>OFF</i>	
Mức nước bồn NAOH		<i>40</i>	<i>40</i>	<i>60</i>	
Mức bồn CLORIN	Bồn 1	<i>1600</i>	<i>1350</i>	<i>1400</i>	
	Bồn 2	<i>1600</i>	<i>1350</i>	<i>1400</i>	
Lượng Clo bổ sung (kg)	Bồn 1	<i>Y</i>	<i>10</i>	<i>12</i>	
	Bồn 2	<i>Y</i>	<i>10</i>	<i>12</i>	
Tình trạng quạt hút (ON/OFF/FAULT)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Trạng thái còi báo tràn (ON/OFF)		<i>ON</i>	<i>ON</i>	<i>ON</i>	
Hệ Thống PCCC		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Chiếu sáng phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	
Môi trường phòng máy		<i>✓</i>	<i>✓</i>	<i>✓</i>	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt :Tích V; Không đạt: Tích X)



NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày ...3/1...tháng...1...năm 2024

CA	Người thực hiện	Trưởng Ca	
1	Nam		
2	Hy		
3			
CA 2		CA 3	Ghi chú
on		on	
off		on	
/ on		on	
		on	
off		on	
off		on	
/ on		on	
off		on	
/ off		for	
on		on	
off		on	
on		on	
off		on	
on		on	
off		on	
on		on	
off		on	
on		on	
off		on	
bo		so	
/bo		lccs	
po		/Acg	
/on		/on	
N		✓	
✓		✓	
✓		✓	

Ghi chú tình trạng, các tồn tại của hệ thống trong ca trực và bàn giao (Quy ước: Đạt : Tích V; Không đạt: Tích X)

Số: /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản số 465/VNLMT ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ: Nhà A30, số 18 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37569136

E-mail: vanthu@istee.vast.vn

Trang web: istee.vn

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 079**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày tháng năm 2027.

4. Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận.

Nơi nhận:

- Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TNMT TP Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT (07).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục
PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đối với Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. NƯỚC

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QT-HT.02	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	0 ÷ 1.000 NTU
7	Độ trong	ISTEE.ĐT	0 ÷ 120 cm
8	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
9	Thế ôxy hóa khử (ORP)	SMEWW 2580B:2023	-1.500 ÷ 1.500 mV
10	Độ màu	ISTEE.ĐM	5 ÷ 500 Pt-Co

* QT-HT.02: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS của môi trường nước.

* ISTEE.ĐT: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với độ trong của môi trường nước.

* ISTEE.ĐM: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với độ màu của môi trường nước.

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-6:2018 TCVN 6663-4:2020 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016
2	Mẫu thực vật nổi	SMEWW 10200B:2023
3	Mẫu động vật nổi	SMEWW 10200B:2023
4	Mẫu động vật đáy	SMEWW 10500B:2023

1.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185(C):2015	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6636-1:2000	2,0 mg/L
		SMEWW 2320B:2023	3,0 mg/L
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,5 mg/L
		SMEWW 2540D:2023	1,5 mg/L
4	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	1,0 mg/L
		SMEWW 5210B:2023	1,0 mg/L
5	COD	SMEWW 5220B:2023	3,0 mg/L
		SMEWW 5220C:2023	10,0 mg/L
6	Tổng cacbon hữu cơ (TOC)	TCVN 6634:2000	1,0 mg/L
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
		SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023	0,003 mg/L
9	Nitrat	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	(NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .D:2023	0,15 mg/L
10	Tổng N	SMEWW 4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,15 mg/L
11	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
		SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	2,0 mg/L
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,03 mg/L
13	Sulfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,02 mg/L
14	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996	8,0 mg/L
		SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	2,0 mg/L
15	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
		SMEWW 4500-P.E:2023	0,01 mg/L
16	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
17	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	0,002 mg/L
18	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,001 mg/L
19	Chất hoạt động bề mặt anion	SMEWW 5540B&C:2023	0,03 mg/L
20	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,002 mg/L
21	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
22	Natri (Na)	US EPA 6020B	0,01 mg/L
23	Kali (K)	US EPA 6020B	0,01 mg/L
24	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	3,0 mg/L
		US EPA 6020B	0,01 mg/L
25	Magiê (Mg)	SMEWW 2340C:2023 SMEWW 3500-Ca.B:2023	3,0 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
		US EPA 6020B	0,01 mg/L
26	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-Fe.B:2023	0,01 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3500-Mn.B:2023	0,01 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L
28	Đồng (Cu)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
29	Kẽm (Zn)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
30	Niken (Ni)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
31	Antimon (Sb)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
32	Chì (Pb)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
33	Cadimi (Cd)	US EPA 6020B	0,0005 mg/L
34	Asen (As)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
35	Thủy ngân (Hg)	US EPA 6020B	0,0002 mg/L
36	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	SMEWW 7110B:2023	0,004 Bq/L
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	SMEWW 7110B:2023	0,03 Bq/L
39	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:2020	02 MPN/100mL
		SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL
40	Coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221B&E:2023	02 MPN/100mL
41	E. Coli	TCVN 6187-2:2020	02 MPN/100mL
		SMEWW 9221B&F:2023	02 MPN/100mL
42	Chlorophyll a (áp dụng từ ngày 22/03/2026)	TCVN 6662:2000	0,04 $\mu\text{g/L}$
43	Thực vật nổi	SMEWW 10200F:2023	1 tế bào/mL
44	Động vật nổi	SMEWW 10200G:2023	1 cá thể/m ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
45	Động vật đáy	SMEWW 10500C:2023	1 cá thể/m ²
46	1,4-Dioxan	US EPA 522	0,0001 mg/L
47	Fomaldehyt	US EPA 8315A	0,0005 mg/L
48	Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	0,01 µg/L
49	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	US EPA 5030C US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,0001 mg/L
	<i>Clorofom</i>		0,0001 mg/L
	<i>1,2-Diclo etan</i>		0,0001 mg/L
	<i>Metylen clorua</i>		0,0001 mg/L
	<i>Tetraclo etylen (PCE)</i>		0,0001 mg/L
	<i>Tetraclo metan (Cacbon tetraclorua)</i>		0,0001 mg/L
50	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Malathion</i>		0,04 µg/L
	<i>Parathion ethyl (Parathion)</i>		0,04 µg/L
	<i>Parathion methyl</i>		0,04 µg/L
51	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	<i>α-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>β-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,005 µg/L
	<i>δ-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L
	<i>Hexaclo benzen</i>		0,01 µg/L
52	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8081B	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	<i>α-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>β-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,005 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>δ-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L
53	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 52</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 101</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 138</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 153</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 180</i>		0,01 µg/L
54	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8082A	
	<i>PCB 28</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 52</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 101</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 138</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 153</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 180</i>		0,01 µg/L

1.2. Nước dưới đất

1.2.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QT-HT.02	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ màu	ISTEE.ĐM	5 ÷ 500 Pt-Co
7	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU
8	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
9	Thế ôxy hóa khử (ORP)	SMEWW 2580B:2023	-1.500 ÷ 1.500 mV

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-11:2011 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016

1.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185(C):2015	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6636-1:2000	2,0 mg/L
		SMEWW 2320B:2023	2,0 mg/L
3	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	5,0 mg/L
		SMEWW 2340C:2023	5,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,5 mg/L
5	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
		SMEWW 5210B:2023	1,0 mg/L
6	Chỉ số permanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
		SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023	0,04 mg/L
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,05 mg/L
		SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,04 mg/L
		SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .D:2023	0,15 mg/L
10	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
		SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	2,0 mg/L
11	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,01 mg/L
12	Sulfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,02 mg/L
13	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996	8,0 mg/L
		SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	2,0 mg/L
14	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
		SMEWW 4500-P.E:2023	0,01 mg/L
15	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	0,002 mg/L
16	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,0003 mg/L
17	Chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2023	0,03 mg/L
18	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
19	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
20	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-Fe.B:2023	0,01 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L
21	Mangan (Mn)	SMEWW 3500-Mn.B:2023	0,015 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
22	Đồng (Cu)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
23	Kẽm (Zn)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
24	Coban (Co)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
25	Nhôm (Al)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
26	Niken (Ni)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
27	Chì (Pb)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
28	Cadimi (Cd)	US EPA 6020B	0,0004 mg/L
29	Asen (As)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
30	Selen (Se)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
31	Thủy ngân (Hg)	US EPA 6020B	0,0002 mg/L
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	SMEWW 7110B:2023	0,003 Bq/L
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	SMEWW 7110B:2023	0,03 Bq/L
34	Tổng Coliform	TCVN 6187-1:2019	01 CFU/100mL
		TCVN 6187-2:2020	02 MPN/100mL
		SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL
35	E. Coli	TCVN 6187-1:2019	01 CFU/100mL
		TCVN 6187-2:2020	02 MPN/100mL
36	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	0,0003 mg/L
37	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	US EPA 5030A US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,0001 mg/L
	<i>Etyl benzen</i>		0,0001 mg/L
	<i>Tetraclo etylen (PCE)</i>		0,0001 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>1,1,1-Triclo etan</i> ($C_2H_3Cl_3$)		0,0001 mg/L
	<i>Triclo etylen</i> (C_2HCl_3)		0,0001 mg/L
	<i>Toluen</i>		0,0001 mg/L
	<i>Xylen (o-, m-, p-)</i>		0,0001 mg/L
38	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Diazinon</i>		0,04 µg/L
	<i>Malathion</i>		0,04 µg/L
	<i>Parathion ethyl</i> (<i>Parathion</i>)		0,04 µg/L
39	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	α -HCH		0,005 µg/L
	β -HCH		0,005 µg/L
	γ -HCH (<i>Lindan</i>)		0,005 µg/L
	δ -HCH		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L
40	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8081B	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	<i>α-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>β-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,005 µg/L
	<i>δ-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L

1.3. Nước biển

1.3.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 100 mS/cm

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QT-HT.02	0 ÷ 100 g/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU
7	Độ trong	ISTEE.ĐT	0 ÷ 120 cm
8	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5998:1995 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016
2	Mẫu thực vật nổi	SMEWW 10200B:2023
3	Mẫu động vật nổi	SMEWW 10200B:2023
4	Mẫu động vật đáy	SMEWW 10500B:2023

1.3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	1,0 mg/L
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,02 mg/L
4	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,04 mg/L
		SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023	0,003 mg/L
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,02 mg/L
		US EPA 352.1	0,21 mg/L
6	Tổng N	SMEWW 4500-N.C:2023	0,2 mg/L
		TCVN 6624-2:2000	0,3 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
7	Florua (F^-)	SMEWW 4500- F^- .B&D:2023	0,03 mg/L
8	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500- S^{2-} .B&D:2023	0,02 mg/L
9	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
		SMEWW 4500-P.E:2023	0,01 mg/L
10	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
		SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,01 mg/L
11	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023	0,001 mg/L
12	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,01 mg/L
13	Chất hoạt động bề mặt anion	SMEWW 5540B&C:2023	0,03 mg/L
14	Crôm VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
15	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
16	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-Fe.B:2023	0,01 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L
17	Mangan (Mn)	SMEWW 3500-Mn.B:2023	0,01 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L
18	Đồng (Cu)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
19	Kẽm (Zn)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
20	Chì (Pb)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
21	Cadimi (Cd)	US EPA 6020B	0,0002 mg/L
22	Asen (As)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
23	Thủy ngân (Hg)	US EPA 6020B (không áp dụng cho nước biển ven bờ, xa bờ)	0,0002 mg/L
		TCVN 12960:2020	0,00003 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
24	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
25	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
26	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:2020	02 MPN/100mL
		SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL
27	Thực vật nổi	SMEWW 10200F:2023	1 tế bào/L
28	Động vật nổi	SMEWW 10200G:2023	1 cá thể/m ³
29	Động vật đáy	SMEWW 10500C:2023	1 cá thể/m ²
30	Tổng hydrocacbon gốc dầu (TPH)	TCVN 10499-2:2015	0,005 mg/L
		US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	0,0001 mg/L
31	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	US EPA 5030C US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,0001 mg/L
	<i>Diclo metan (CH₂Cl₂)</i>		0,0001 mg/L
	<i>1,1,1-Triclo etan (C₂H₃Cl₃)</i>		0,0001 mg/L
	<i>Tetraclo etylen (PCE)</i>		0,0001 mg/L
	<i>Triclo etylen (C₂HCl₃)</i>		0,0001 mg/L
32	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Diazinon</i>		0,04 µg/L
	<i>Malathion</i>		0,04 µg/L
	<i>Parathion ethyl (Parathion)</i>		0,04 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Parathion methyl</i>		0,04 µg/L
33	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	α -HCH		0,005 µg/L
	β -HCH		0,005 µg/L
	γ -HCH (<i>Lindan</i>)		0,005 µg/L
	δ -HCH		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L
34	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8081B	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	α -HCH		0,005 µg/L
	β -HCH		0,005 µg/L
	γ -HCH (<i>Lindan</i>)		0,005 µg/L
	δ -HCH		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L
35	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 52</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 101</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 138</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 153</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 180</i>		0,01 µg/L
36	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8082A	
	<i>PCB 28</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 52</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 101</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 138</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 153</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 180</i>		0,01 µg/L

1.4. Nước mưa

1.4.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QT-HT.02	0 ÷ 1.999 mg/L

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mưa	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5997:1995 TCVN 6663-3:2016

1.4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6494-1:2011	0,1 mg/L
		US EPA 300	0,1 mg/L
2	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6494-1:2011	0,1 mg/L
		US EPA 300	0,1 mg/L
3	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	0,1 mg/L
		US EPA 300	0,1 mg/L
4	Florua (F ⁻)	TCVN 6494-1:2011	0,1 mg/L
		US EPA 300	0,1 mg/L
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6494-1:2011	0,1 mg/L
		US EPA 300	0,1 mg/L
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6494-1:2011	0,1 mg/L
		US EPA 300	0,1 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
7	Natri (Na^+)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
8	Kali (K^+)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
9	Canxi (Ca^{2+})	US EPA 6020B	0,01 mg/L
10	Magiê (Mg^{2+})	US EPA 6020B	0,01 mg/L

1.5. Nước thải

1.5.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QT-HT.02	0 ÷ 1.999 mg/L
4	Clo dư	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,02 ÷ 2,0 mg/L
5	Độ màu	ISTEE.ĐM	5 ÷ 500 Pt-Co
6	Vận tốc	ISO 748:2007	0,1 ÷ 6,1 m/s
7	Lưu lượng	ISO 748:2007	-

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5999:1995 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016

1.5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185(C):2015	5,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
		SMEWW 2540D:2023	2,0 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
3	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	1,0 mg/L
		SMEWW 5210B:2023	1,0 mg/L
4	COD	TCVN 6491:1999	10,0 mg/L
		SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
		SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023	0,003 mg/L
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,02 mg/L
		SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .D:2023	0,02 mg/L
		US EPA 352.1	0,21 mg/L
8	Tổng N	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
		TCVN 6624-2:2000	1,0 mg/L
		SMEWW 4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,2 mg/L
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
		SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	2,0 mg/L
		TCVN 6494-1:2011	0,05 mg/L
		US EPA 300.1	0,05 mg/L
10	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	0,05 mg/L
		SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,05 mg/L
11	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,03 mg/L
		TCVN 6494-1:2011	0,03 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
12	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500- S^{2-} .B&D:2023	0,02 mg/L
13	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
		SMEWW 4500-P.E:2023	0,01 mg/L
14	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
		SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,01 mg/L
15	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023	0,01 mg/L
16	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,001 mg/L
17	Chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2023	0,03 mg/L
18	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	TCVN 6493:2008	1,0 mg/L
19	Crôm VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
20	Crôm III (Cr^{3+})	SMEWW 3125B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
21	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 6020B	0,003 mg/L
22	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-Fe.B:2023	0,01 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L
23	Mangan (Mn)	SMEWW 3500-Mn.B:2023	0,015 mg/L
		US EPA 6020B	0,001 mg/L
24	Đồng (Cu)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
25	Kẽm (Zn)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
26	Thiếc (Sn)	US EPA 6020B	0,007 mg/L
27	Niken (Ni)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
28	Chì (Pb)	US EPA 6020B	0,001 mg/L
29	Cadimi (Cd)	US EPA 6020B	0,0002 mg/L
30	Asen (As)	US EPA 6020B	0,001 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
31	Thủy ngân (Hg)	US EPA 6020B	0,0002 mg/L
32	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
33	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	SMEWW 7110B:2023	0,004 Bq/L
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	SMEWW 7110B:2023	0,03 Bq/L
36	Tổng Coliform	TCVN 8775:2011	01 CFU/100mL
		TCVN 6187-2:2020	02 MPN/100mL
		SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL
37	Salmonella	TCVN 9717:2013	01 vi khuẩn/100mL
38	Shigella	SMEWW 9276B:2023	01 vi khuẩn/100mL
39	Vibrio cholerae	SMEWW 9278B:2023	01 vi khuẩn/100mL
40	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Diazinon</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Dimethoate</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Disulfoton</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Malathion</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Methamidophos</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Monocrotophos</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Parathion ethyl</i> (<i>Parathion</i>)		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Parathion methyl</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Phorate</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$
	<i>Phosphamidon</i>		0,04 $\mu\text{g/L}$

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Trichlorfon</i>		0,04 µg/L
41	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>2,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	α -HCH		0,005 µg/L
	β -HCH		0,005 µg/L
	γ -HCH (<i>Lindan</i>)		0,005 µg/L
	δ -HCH		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L
	<i>Hexaclo benzen</i>		0,005 µg/L
42	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8081B	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>cis-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,01 µg/L
	<i>2,4'-DDT</i>		0,01 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>4,4'-DDT</i>		0,01 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan I</i>		0,01 µg/L
	<i>Endosulfan II</i>		0,01 µg/L
	<i>Endrin</i>		0,01 µg/L
	<i>α-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>β-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,005 µg/L
	<i>δ-HCH</i>		0,005 µg/L
	<i>Heptaclo</i>		0,01 µg/L
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,01 µg/L
	<i>Hexaclo benzen</i>		0,005 µg/L
43	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 52</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 101</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 138</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 153</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 180</i>		0,01 µg/L
44	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8082A	
	<i>PCB 28</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 52</i>		0,01 µg/L
	<i>PCB 101</i>		0,01 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	PCB 138		0,01 µg/L
	PCB 153		0,01 µg/L
	PCB 180		0,01 µg/L

2. KHÍ

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	-10 ÷ 60°C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	10 ÷ 90% RH
3	Áp suất	QCVN 46:2022/BTNMT	700 ÷ 1.100 hPa
4	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	0,6 ÷ 40,0 m/s
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	28 ÷ 130 dBA
6	Độ rung	TCVN 6963:2001	66 ÷ 146 dB
7	O ₃	TCVN 7171:2002	5 ÷ 1.000 µg/Nm ³

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
2	Bụi PM ₁₀	40 CFR Part 50 - Appendix J
3	Bụi PM _{2,5}	40 CFR Part 50 - Appendix L
4	Bụi silic oxit tinh thể (SiO ₂)	NIOSH 7602
5	SO ₂	MASA 704A
6	CO	HDPTXQ-CO-01
7	NO ₂	MASA 406
8	NH ₃	MASA 401

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
9	Cl ₂	MASA 202
10	H ₂ S	MASA 701
11	HF	NIOSH 7906
12	HCl	NIOSH 7907
13	HBr	NIOSH 7907
14	HNO ₃	NIOSH 7907
15	H ₂ SO ₄	NIOSH 7908
16	H ₃ PO ₄	NIOSH 7908
17	HCN	NIOSH 6010
18	NaOH	NIOSH 7401
19	Asin (AsH ₃)	NIOSH 6001
20	Asen (As)	TCVN 5067:1995
21	Cadimi (Cd)	TCVN 5067:1995
22	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	NIOSH 7600
23	Thủy ngân (Hg)	NIOSH 6009
24	Mangan (Mn)	TCVN 5067:1995
25	Niken (Ni)	TCVN 5067:1995
26	Chì (Pb)	TCVN 5067:1995
27	Axetaldehyt	US EPA TO-11A
28	Formaldehyt	US EPA TO-11A
29	Acrolein	US EPA TO-11A
30	Acid Propionic	OSHA PV2293
31	Acrylonitril	NIOSH 1604
32	Anilin	NIOSH 2002
33	CH ₄	MASA 101
34	Cloroform	NIOSH 1003

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
35	Tetraclo etylen	NIOSH 1003
36	Vinyl clorua	NIOSH 1007
37	Mercaptan (tính theo Metyl mercaptan)	NIOSH 2542
38	Benzidin	NIOSH 5509
39	Phenol	NIOSH 2546
40	Naphthalene	NIOSH 5515
41	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	NIOSH 1501
	<i>Benzen</i>	
	<i>Styren</i>	
	<i>Toluen</i>	
	<i>Xylen (o-, m-, p-)</i>	
42	Hydrocacbon	NIOSH 1500
	<i>n-Pentan</i>	
	<i>n-Hexan</i>	
	<i>n-Heptan</i>	
	<i>n-Octan</i>	
	<i>n-Nonan</i>	
	<i>n-Decan</i>	
	<i>n-Undecan</i>	
	<i>n-Dodecan</i>	
	<i>Cyclohexan</i>	
	<i>Cyclohexen</i>	
	<i>Metyl cyclohexan</i>	

* HDPTXQ-CO-01: Quy trình nội bộ hướng dẫn lấy mẫu và phân tích CO trong không khí xung quanh.

2.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	10,0 µg/Nm ³
2	Bụi PM ₁₀	40 CFR Part 50 - Appendix J	10,0 µg/Nm ³
3	Bụi PM _{2,5}	40 CFR Part 50 - Appendix L	3,0 µg/Nm ³
4	Bụi silic oxit tinh thể (SiO ₂)	NIOSH 7602	10,0 µg/Nm ³
5	SO ₂	MASA 704A	5,0 µg/Nm ³
6	CO	HDPTXQ-CO-01	3.000 µg/Nm ³
7	NO ₂	MASA 406	3,0 µg/Nm ³
8	NH ₃	MASA 401	2,0 µg/Nm ³
9	Cl ₂	MASA 202	4,0 µg/Nm ³
10	H ₂ S	MASA 701	3,0 µg/Nm ³
11	HF	NIOSH 7906	1,5 µg/Nm ³
12	HCl	NIOSH 7907	7,0 µg/Nm ³
13	HBr	NIOSH 7907	2,0 µg/Nm ³
14	HNO ₃	NIOSH 7907	3,0 µg/Nm ³
15	H ₂ SO ₄	NIOSH 7908	7,0 µg/Nm ³
16	H ₃ PO ₄	NIOSH 7908	10,0 µg/Nm ³
17	HCN	NIOSH 6010	3,0 µg/Nm ³
18	NaOH	NIOSH 7401	3,0 µg/Nm ³
19	Asin (AsH ₃)	NIOSH 6001	0,08 µg/Nm ³
20	Asen (As)	NIOSH 7300	0,008 µg/Nm ³
21	Cadimi (Cd)	NIOSH 7300	0,003 µg/Nm ³
22	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	NIOSH 7600	0,0008 µg/Nm ³
23	Thủy ngân (Hg)	NIOSH 6009	0,05 µg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
24	Mangan (Mn, tính theo MnO ₂)	NIOSH 7300	1,65 µg/Nm ³
25	Niken (Ni)	NIOSH 7300	0,03 µg/Nm ³
		NIOSH 7303	0,23 µg/Nm ³
26	Chì (Pb)	NIOSH 7300	0,04 µg/Nm ³
27	Axetaldehyt	US EPA TO-11A	7,0 µg/Nm ³
28	Fomaldehyt	US EPA TO-11A	4,0 µg/Nm ³
29	Acrolein	US EPA TO-11A	11,0 µg/Nm ³
30	Acid Propionic	OSHA PV2293	50,0 µg/Nm ³
31	Acrylonitril	NIOSH 1604	12,0 µg/Nm ³
32	Anilin	NIOSH 2002	9,0 µg/Nm ³
33	CH ₄	MASA 101	5,0 µg/Nm ³
34	Cloroform	NIOSH 1003	4,0 µg/Nm ³
35	Tetraclo etylen	NIOSH 1003	6,0 µg/Nm ³
36	Vinyl clorua	NIOSH 1007	8,0 µg/Nm ³
37	Mercaptan (tính theo Methyl mercaptan)	NIOSH 2542	3,0 µg/Nm ³
38	Benzidin	NIOSH 5509	5,0 µg/Nm ³
39	Phenol	NIOSH 2546	3,0 µg/Nm ³
40	Naphthalene	NIOSH 5515	3,0 µg/Nm ³
41	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	NIOSH 1501	
	<i>Benzen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Styren</i>		5,0 µg/Nm ³
	<i>Toluen</i>		6,0 µg/Nm ³
	<i>o-Xylen</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>m-Xylen</i>		9,0 µg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>p-Xylen</i>		9,0 µg/Nm ³
42	Hydrocacbon	NIOSH 1500	
	<i>n-Pentan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>n-Hexan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>n-Heptan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>n-Octan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>n-Nonan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>n-Decan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>n-Undecan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>n-Dodecan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>Cyclohexan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>Cyclohexen</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>Metyl cyclohexan</i>		7,0 µg/Nm ³

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA 01 US EPA 01A	-
2	Vận tốc	US EPA 02	0 ÷ 40 m/s
3	Lưu lượng	US EPA 02	0 ÷ 4.521.600 m ³ /h
4	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA 03	-
5	Hàm ẩm	US EPA 04	0 ÷ 100%
6	Nhiệt độ	ISTEE.SOP.HT.NĐ	0 ÷ 1.200°C
7	Áp suất (tuyệt đối)	ISTEE.SOP.HT.AS	850 ÷ 1.100 mmHg
8	O ₂	ISTEE.SOP.HT.O ₂	0 ÷ 25%

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
9	CO	HD.HTKT	$0 \div 11.400 \text{ mg/Nm}^3$
10	CO ₂	HD.HTKT	$0 \div 50\%$
11	SO ₂	HD.HTKT	$0 \div 13.100 \text{ mg/Nm}^3$
12	NO _x	HD.HTKT	
	NO		$0 \div 4.920 \text{ mg/Nm}^3$
	NO ₂		$0 \div 940 \text{ mg/Nm}^3$

**ISTEE.SOP.HT.NĐ: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với nhiệt độ khí thải.*

**ISTEE.SOP.HT.AS: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với áp suất khí thải.*

**ISTEE.SOP.HT.O₂: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với O₂ trong khí thải.*

**HD.HTKT: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với CO, CO₂, SO₂ và NO_x trong khí thải.*

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Bụi tổng (PM)	US EPA 05
2	Bụi silic oxit tinh thể (SiO ₂)	US EPA 05 NIOSH 7602
3	Bụi PM ₁₀	US EPA 201A
4	SO ₂	US EPA 06
5	NO _x	US EPA 07
6	NH ₃	JIS K 0099:2020
7	Cl ₂	US EPA 26A
8	Br ₂	US EPA 26A
9	HF	US EPA 26A
10	HCl	US EPA 26A
11	HBr	US EPA 26A
12	H ₂ S	JIS K 0108:2010

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
13	H ₂ SO ₄	US EPA 08
14	Tổng florua (F ⁻)	US EPA 13A
15	Bạc (Ag)	US EPA 29
16	Asen (As)	US EPA 29
17	Bari (Ba)	US EPA 29
18	Beri (Be)	US EPA 29
19	Cadimi (Cd)	US EPA 29
20	Crôm (Cr)	US EPA 29
21	Coban (Co)	US EPA 29
22	Đồng (Cu)	US EPA 29
23	Thủy ngân (Hg)	US EPA 29
24	Mangan (Mn)	US EPA 29
25	Niken (Ni)	US EPA 29
26	Chì (Pb)	US EPA 29
27	Antimon (Sb)	US EPA 29
28	Selen (Se)	US EPA 29
29	Thiếc (Sn)	US EPA 29
30	Tali (Tl)	US EPA 29
31	Vanadi (V)	US EPA 29
32	Kẽm (Zn)	US EPA 29
33	Metanol	US EPA 308
34	Hydrocacbon	CEN/TS 13649:2014
	<i>n</i> -Pentan	
	<i>n</i> -Hexan	
	<i>n</i> -Heptan	
	<i>n</i> -Octan	

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
	<i>n-Nonan</i>	
	<i>n-Decan</i>	
	<i>n-Undecan</i>	
	<i>n-Dodecan</i>	
	<i>n-Tridecan</i>	
	<i>n-Tetradecan</i>	
	<i>n-Pentadecan</i>	
	<i>n-Hexadecan</i>	
	<i>n-Heptadecan</i>	
	<i>n-Nonadecan</i>	
	<i>Cyclohexan</i>	
	<i>Cyclohexen</i>	
35	Benzo[a]pyrene	US EPA (40 CFR) 23
36	Aldehyt	US EPA (SW-846) 0011
	<i>Axetaldehyt</i>	
	<i>Fomaldehyt</i>	
37	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	CEN/TS 13649:2014
	<i>Acrolein</i>	
	<i>Amyl axetat</i>	
	<i>Anilin</i>	
	<i>Benzen</i>	
	<i>Benzidin</i>	
	<i>Benzyl clorua</i>	
	<i>1,3-Butadien</i>	
	<i>n-Butanol</i>	
	<i>n-Butyl axetat</i>	

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
	<i>n-Butyl amin</i>	
	<i>Cresol</i>	
	<i>Clo benzen</i>	
	<i>β-Clopenh</i>	
	<i>Clopicrin</i>	
	<i>Clorofom</i>	
	<i>Cyclohexanol</i>	
	<i>Cyclohexanon</i>	
	<i>1,2-Diclo benzen (o-Diclo benzen)</i>	
	<i>1,1-Diclo etan</i>	
	<i>Dicloetyl ete</i>	
	<i>Dietyl amin</i>	
	<i>Diylodibrom metan</i>	
	<i>N,N-Dimetyl anilin</i>	
	<i>Dimetyl fomamit</i>	
	<i>1,1-Dimetyl hydrazin</i>	
	<i>Dimetyl sunfat</i>	
	<i>Dinitro benzen</i>	
	<i>1,4-Dioxan</i>	
	<i>Etanolamin</i>	
	<i>Etyl axetat</i>	
	<i>Etyl acrylat</i>	
	<i>Etyl amin</i>	
	<i>Etyl benzen</i>	
	<i>Etyl bromua</i>	

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
	<i>Etyl clorua</i>	
	<i>Etylen clohydrin</i>	
	<i>Etylen diamin</i>	
	<i>Etylen dibromua</i>	
	<i>Etylen oxyt</i>	
	<i>Etyl ete</i>	
	<i>Etyl silicat</i>	
	<i>Flotriclo metan</i>	
	<i>Fufural</i>	
	<i>Fufuryl</i>	
	<i>Metanol</i>	
	<i>Metanolamin</i>	
	<i>Metyl axetat</i>	
	<i>Metyl axetylen</i>	
	<i>Metyl acrylat</i>	
	<i>Metyl clorofom</i>	
	<i>Metyl cyclohexanol</i>	
	<i>Metyl cyclohexanon</i>	
	<i>Metylen clorua</i>	
	<i>Metyl mercaptan</i>	
	<i>Naphthalene</i>	
	<i>Nitro benzen</i>	
	<i>Nitro etan</i>	
	<i>Nitro glycerin</i>	
	<i>Nitro metan</i>	
	<i>2-Nitro propan</i>	

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
	<i>Nitro toluen</i>	
	<i>Phenol</i>	
	<i>Phenyl hydrazin</i>	
	<i>n-Propanol</i>	
	<i>n-Propyl axetat</i>	
	<i>Isopropyl amin</i>	
	<i>2-Pentanon</i>	
	<i>Propylen oxyt</i>	
	<i>Pyridin</i>	
	<i>p-Quinon</i>	
	<i>Styren</i>	
	<i>1,1,2,2-Tetraclo etan</i>	
	<i>Tetraclo metan (Cacbon tetraclorua)</i>	
	<i>Tetraclo etylen</i>	
	<i>Tetrahydrofuran</i>	
	<i>Tetranitro metan</i>	
	<i>Toluen</i>	
	<i>o-Toluidin</i>	
	<i>1,1,2-Triclo etan</i>	
	<i>Triclo etylen</i>	
	<i>Trietyl amin</i>	
	<i>Vinyl clorua</i>	
	<i>Vinyl toluen</i>	
	<i>Xylen</i>	
	<i>Xylidin</i>	

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
38	Dioxin/Furan (PCDD/PCDF)	US EPA (40 CFR) 23
	<i>2,3,7,8-TCDD</i>	
	<i>2,3,7,8-TCDF</i>	
	<i>1,2,3,7,8-PeCDD</i>	
	<i>1,2,3,7,8-PeCDF</i>	
	<i>2,3,4,7,8-PeCDF</i>	
	<i>1,2,3,4,7,8-HxCDD</i>	
	<i>1,2,3,6,7,8-HxCDD</i>	
	<i>1,2,3,7,8,9-HxCDD</i>	
	<i>1,2,3,4,7,8-HxCDF</i>	
	<i>1,2,3,6,7,8-HxCDF</i>	
	<i>1,2,3,7,8,9-HxCDF</i>	
	<i>2,3,4,6,7,8-HxCDF</i>	
	<i>1,2,3,4,6,7,8-HpCDD</i>	
	<i>1,2,3,4,6,7,8-HpCDF</i>	
	<i>1,2,3,4,7,8,9-HpCDF</i>	
	<i>OCDD</i>	
	<i>OCDF</i>	

2.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Bụi tổng (PM)	US EPA 05	0,1 mg/Nm ³
2	Bụi silic oxit tinh thể (SiO ₂)	NIOSH 7602	0,1 mg/Nm ³
3	Bụi PM ₁₀	US EPA 201A	0,05 mg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
4	SO ₂	US EPA 06	5,2 mg/Nm ³
5	NO _x (tính theo NO ₂)	US EPA 07	0,03 mg/Nm ³
6	NH ₃	JIS K 0099:2020	0,6 mg/Nm ³
7	Cl ₂	US EPA 26A	0,1 mg/Nm ³
8	Br ₂	US EPA 26A	0,1 mg/Nm ³
9	HF	US EPA 26A	0,1 mg/Nm ³
10	HCl	US EPA 26A	0,1 mg/Nm ³
11	HBr	US EPA 26A	0,1 mg/Nm ³
12	H ₂ S	JIS K 0108:2010	1,0 mg/Nm ³
13	H ₂ SO ₄	US EPA 08	1,5 mg/Nm ³
14	Tổng florua (F ⁻)	US EPA 13A	0,05 mg/Nm ³
15	Bạc (Ag)	US EPA 29	0,02 mg/Nm ³
16	Asen (As)	US EPA 29	0,11 mg/Nm ³
17	Bari (Ba)	US EPA 29	0,02 mg/Nm ³
18	Beri (Be)	US EPA 29	0,05 mg/Nm ³
19	Cadimi (Cd)	US EPA 29	0,01 mg/Nm ³
20	Crôm (Cr)	US EPA 29	0,13 mg/Nm ³
21	Coban (Co)	US EPA 29	0,01 mg/Nm ³
22	Đồng (Cu)	US EPA 29	0,16 mg/Nm ³
23	Thủy ngân (Hg)	US EPA 29	0,01 mg/Nm ³
24	Mangan (Mn)	US EPA 29	0,03 mg/Nm ³
25	Niken (Ni)	US EPA 29	0,03 mg/Nm ³
26	Chì (Pb)	US EPA 29	0,01 mg/Nm ³
27	Antimon (Sb)	US EPA 29	0,01 mg/Nm ³
28	Selen (Se)	US EPA 29	0,81 mg/Nm ³
29	Thiếc (Sn)	US EPA 29	0,17 mg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
30	Tali (Tl)	US EPA 29	0,01 mg/Nm ³
31	Vanadi (V)	US EPA 29	0,10 mg/Nm ³
32	Kẽm (Zn)	US EPA 29	0,17 mg/Nm ³
33	Metanol	US EPA 308	0,05 mg/Nm ³
34	Hydrocacbon	CEN/TS 13649:2014	
	<i>n-Hexan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>n-Heptan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>n-Octan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>n-Nonan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>n-Decan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>n-Undecan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>n-Dodecan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>n-Tridecan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>n-Tetradecan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>n-Pentadecan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>n-Hexadecan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>n-Nonadecan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Cyclohexan</i>		0,03 µg/Nm ³
	<i>Cyclohexen</i>		0,03 µg/Nm ³
35	Hydrocacbon thơm đa vòng (PAH)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>Benzo[a]pyrene</i>		0,3 µg/Nm ³
	<i>Pyrene</i>		0,3 µg/Nm ³
36	Aldehyt	US EPA (SW-846) 0011	
	<i>Axetaldehyt</i>		0,25 mg/Nm ³
	<i>Fomaldehyt</i>		0,8 mg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
37	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	CEN/TS 13649:2014	
	<i>Acrolein</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Amyl axetat</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Anilin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Benzen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Benzidin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Benzyl clorua</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>1,3-Butadien</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>n-Butanol</i>		10,0 µg/Nm ³
	<i>n-Butyl axetat</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>n-Butyl amin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Cresol</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Clo benzen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>β-Clopren</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Clopicrin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Clorofom</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Cyclohexanol</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Cyclohexanon</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>1,2-Diclo benzen (o-Diclo benzen)</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>1,1-Diclo etan</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Dicloetyl ete</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Dietyl amin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Diflodibrom metan</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>N,N-Dimetyl anilin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Dimetyl fomamit</i>		0,1 µg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>1,1-Dimetylhydrazin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Dimetyl sunfat</i>		0,9 µg/Nm ³
	<i>Dinitro benzen</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>1,4-Dioxan</i>		10,0 µg/Nm ³
	<i>Etanolamin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Etyl axetat</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Etyl acrylat</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Etyl amin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Etyl benzen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Etyl bromua</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Etyl clorua</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Etylen clohydrin</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Etylen diamin</i>		4,0 µg/Nm ³
	<i>Etylen dibromua</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Etylen oxyt</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Etyl ete</i>		10,0 µg/Nm ³
	<i>Etyl silicat</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Flotriclo metan</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Fufural</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Fufuryl</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Metanol</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Metanolamin</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Metyl axetat</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Metyl axetylen</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Metyl acrylat</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Metyl clorofom</i>		0,1 µg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Metyl cyclohexanol</i>		4,0 µg/Nm ³
	<i>Metyl cyclohexanon</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Metylen clorua</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Metyl mercaptan</i>		7,0 µg/Nm ³
	<i>Naphthalene</i>		5,0 µg/Nm ³
	<i>Nitro benzen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Nitro etan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Nitro glycerin</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Nitro metan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>2-Nitro propan</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Nitro toluen</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Phenol</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Phenyl hydrazin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>n-Propanol</i>		10,0 µg/Nm ³
	<i>n-Propyl axetat</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Isopropyl amin</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>2-Pentanon</i>		10,0 µg/Nm ³
	<i>Propylen oxyt</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Pyridin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>p-Quinon</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>Styren</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>1,1,2,2-Tetraclo etan</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Tetraclo metan (Cacbon tetraclorua)</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Tetraclo etylen</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Tetrahydrofuran</i>		0,1 µg/Nm ³

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Tetranitro metan</i>		2,0 µg/Nm ³
	<i>Toluen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>o-Toluidin</i>		0,1 µg/Nm ³
	<i>1,1,2-Triclo etan</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Triclo etylen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Trietyl amin</i>		5,0 µg/Nm ³
	<i>Vinyl clorua</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Vinyl toluen</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Xylen (o-, m-, p-)</i>		3,0 µg/Nm ³
	<i>Xylidin</i>		2,0 µg/Nm ³

3. ĐẤT

3.1. Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu đất	TCVN 5297:1995 TCVN 7538-1:2006 TCVN 7538-2:2005 TCVN 7538-4:2007 TCVN 7538-5:2007

3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12
2	Độ ẩm	TCVN 6648:2000	1,1%
3	Cacbon hữu cơ	TCVN 8941:2011	0,2%
4	Florua (F ⁻)	US EPA 5050 US EPA 300	5,0 mg/kg
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6656:2000	20,0 mg/kg
6	Tổng N	TCVN 6498:1999	7,0 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
7	Tổng P	TCVN 6499:1999	0,6 mg/kg
		TCVN 8940:2011	0,6 mg/kg
8	Xyanua (CN ⁻)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	0,2 mg/kg
9	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	US EPA 3060A US EPA 7196A	0,5 mg/kg
10	Tổng K	TCVN 8660:2011	2,0 mg/kg
11	Asen (As)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
12	Cadimi (Cd)	US EPA 3051A US EPA 6020B:	0,01 mg/kg
13	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,1 mg/kg
14	Đồng (Cu)	US EPA 3051A US EPA 6020B	5,0 mg/kg
15	Thủy ngân (Hg)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
16	Niken (Ni)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
17	Chì (Pb)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
18	Kẽm (Zn)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
19	Tổng hydrocacbon gốc dầu (TPH)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	0,005 mg/kg
	$C_{10} - C_{16}$		0,005 mg/kg
	$C_{17} - C_{34}$		0,005 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>C₃₄ - C₄₀</i>		0,005 mg/kg
20	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	0,005 mg/kg
21	Benzo[a]pyrene	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	0,005 mg/kg
22	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	US EPA 5035A US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,005 mg/kg
	<i>1,2-Diclo etan</i>		0,005 mg/kg
	<i>Etyl benzen</i>		0,005 mg/kg
	<i>Toluen</i>		0,005 mg/kg
	<i>Tetraclo etylen (PCE)</i>		0,005 mg/kg
	<i>Triclo etylen</i>		0,005 mg/kg
	<i>Xylen (o-, m-, p-)</i>		0,005 mg/kg
23	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>Diazinon</i>		0,005 mg/kg
	<i>Dimethoate</i>		0,005 mg/kg
	<i>Malathion</i>		0,005 mg/kg
	<i>Parathion ethyl (Parathion)</i>		0,005 mg/kg
	<i>Parathion methyl</i>		0,005 mg/kg
	<i>Trichlorfon</i>		0,005 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
24	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>Aldrin</i>		0,005 mg/kg
	<i>cis-Clodan</i>		0,005 mg/kg
	<i>trans-Clodan</i>		0,005 mg/kg
	<i>2,4'-DDD</i>		0,005 mg/kg
	<i>4,4'-DDD</i>		0,005 mg/kg
	<i>4,4'-DDE</i>		0,005 mg/kg
	<i>2,4'-DDT</i>		0,005 mg/kg
	<i>4,4'-DDT</i>		0,005 mg/kg
	<i>Dieldrin</i>		0,005 mg/kg
	<i>Endrin</i>		0,005 mg/kg
	<i>α-HCH</i>		0,005 mg/kg
	<i>β-HCH</i>		0,005 mg/kg
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,005 mg/kg
	<i>δ-HCH</i>		0,005 mg/kg
	<i>Heptaclo</i>		0,005 mg/kg
	<i>Hexaclo benzen</i>		0,005 mg/kg
	<i>Kepon</i> (<i>Chlordecone</i>)		0,005 mg/kg
	<i>Mirex</i>		0,005 mg/kg
	<i>Pentaclo benzen</i>		0,005 mg/kg
	<i>Toxaphen</i>		0,005 mg/kg
25	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8081B	
	<i>Aldrin</i>		0,005 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>cis-Clodan</i>		0,005 mg/kg
	<i>trans-Clodan</i>		0,005 mg/kg
	<i>2,4'-DDD</i>		0,005 mg/kg
	<i>4,4'-DDD</i>		0,005 mg/kg
	<i>4,4'-DDE</i>		0,005 mg/kg
	<i>2,4'-DDT</i>		0,005 mg/kg
	<i>4,4'-DDT</i>		0,005 mg/kg
	<i>Dieldrin</i>		0,005 mg/kg
	<i>Endrin</i>		0,005 mg/kg
	<i>α-HCH</i>		0,005 mg/kg
	<i>β-HCH</i>		0,005 mg/kg
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,005 mg/kg
	<i>δ-HCH</i>		0,005 mg/kg
	<i>Heptaclo</i>		0,005 mg/kg
	<i>Hexaclo benzen</i>		0,005 mg/kg
	<i>Pentaclo benzen</i>		0,005 mg/kg
26	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,005 mg/kg
	<i>PCB 52</i>		0,005 mg/kg
	<i>PCB 101</i>		0,005 mg/kg
	<i>PCB 138</i>		0,005 mg/kg
	<i>PCB 153</i>		0,005 mg/kg
	<i>PCB 180</i>		0,005 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
27	Polyclo biphenyl (PCB) (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8082A	
	PCB 28		0,005 mg/kg
	PCB 52		0,005 mg/kg
	PCB 101		0,005 mg/kg
	PCB 138		0,005 mg/kg
	PCB 153		0,005 mg/kg
	PCB 180		0,005 mg/kg

4. TRẦM TÍCH

4.1. Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu trầm tích	ISO 5667-12:2017 TCVN 6663-19:2015 TCVN 6663-15:2004

4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12
2	Phân bố độ hạt	ISO 11277:2009	0,01 ÷ 2,0 µm
3	Xyanua (CN ⁻)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	0,2 mg/kg
4	Tổng hydrocacbon	US EPA 9071B	2,0 mg/kg
5	Asen (As)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
6	Cadimi (Cd)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
7	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
8	Đồng (Cu)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
9	Sắt (Fe)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
10	Thủy ngân (Hg)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
11	Niken (Ni)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
12	Chì (Pb)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
13	Kẽm (Zn)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,1 mg/kg
14	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	0,005 mg/kg
		ISO 17182:2014	0,005 mg/kg
15	Hydrocacbon thơm đa vòng (PAH)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>Acenaphthene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Acenaphthylene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Anthracene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Benz[a] anthracene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Benzo[e]pyrene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Chrysene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Dibenz[a,h] anthracene</i>		10,0 µg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Fluoranthene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Fluorene</i>		10,0 µg/kg
	<i>2-Methyl naphthalene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Naphthalene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Phenanthrene</i>		10,0 µg/kg
	<i>Pyrene</i>		10,0 µg/kg
16	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo MS</i>)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>cis-Clodan</i>		1,0 µg/kg
	<i>trans-Clodan</i>		1,0 µg/kg
	<i>2,4'-DDD</i>		1,0 µg/kg
	<i>4,4'-DDD</i>		1,0 µg/kg
	<i>4,4'-DDE</i>		1,0 µg/kg
	<i>2,4'-DDT</i>		1,0 µg/kg
	<i>4,4'-DDT</i>		1,0 µg/kg
	<i>Dieldrin</i>		1,0 µg/kg
	<i>Endrin</i>		1,0 µg/kg
	<i>α-HCH</i>		1,0 µg/kg
	<i>β-HCH</i>		1,0 µg/kg
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,18 µg/kg
	<i>δ-HCH</i>		1,0 µg/kg
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,19 µg/kg
	<i>Pentaclo benzen</i>		1,0 µg/kg
	<i>Pentaclo phenol</i>		1,0 µg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
17	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (<i>phương pháp đầu đo ECD</i>)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8081B	
	<i>cis-Clodan</i>		0,05 µg/kg
	<i>trans-Clodan</i>		0,05 µg/kg
	<i>2,4'-DDD</i>		0,05 µg/kg
	<i>4,4'-DDD</i>		0,05 µg/kg
	<i>4,4'-DDE</i>		0,05 µg/kg
	<i>2,4'-DDT</i>		0,05 µg/kg
	<i>4,4'-DDT</i>		0,05 µg/kg
	<i>Dieldrin</i>		0,05 µg/kg
	<i>Endrin</i>		0,05 µg/kg
	<i>α-HCH</i>		0,05 µg/kg
	<i>β-HCH</i>		0,05 µg/kg
	<i>γ-HCH (Lindan)</i>		0,05 µg/kg
	<i>δ-HCH</i>		0,05 µg/kg
	<i>Heptaclo epoxit</i>		0,05 µg/kg
18	Polyclo biphenyl (PCB)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		1,0 µg/kg
	<i>PCB 52</i>		1,0 µg/kg
	<i>PCB 101</i>		1,0 µg/kg
	<i>PCB 138</i>		1,0 µg/kg
	<i>PCB 153</i>		1,0 µg/kg
	<i>PCB 180</i>		1,0 µg/kg
	<i>PCB 194</i>		1,0 µg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	PCB 209		1,0 µg/kg

5. Bùn thải

5.1. Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu bùn thải	TCVN 6663-13:2015 TCVN 6663-15:2004

5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	pH	US EPA 9045D US EPA 9040C	0 ÷ 14
2	Tổng xyanua (CN ⁻)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	0,2 mg/kg
3	Tổng dầu	US EPA 9071B	50,0 mg/kg
		US EPA 1311 SMEWW 5520B:2023	3,0 mg/L
4	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	US EPA 3060A US EPA 7196A	1,6 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 7196A	0,15 mg/L
5	Bạc (Ag)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
6	Asen (As)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,005 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
7	Bari (Ba)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
8	Cadimi (Cd)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
9	Coban (Co)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
10	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
11	Đồng (Cu)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
12	Thủy ngân (Hg)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
13	Niken (Ni)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
14	Chì (Pb)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,3 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,03 mg/L
15	Selen (Se)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
16	Kẽm (Zn)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1411 US EPA 6020B	0,001 mg/L
17	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	US EPA 3550C US EPA 3650C US EPA 8041A	0,007 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3650C US EPA 8041A	0,005 mg/L
18	2,4-Diclophenoxy axeticaxit (2,4-D)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8321A	0,013 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8321A	0,02 mg/L
19	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC, theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 5021A US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,001 mg/kg
	<i>Clo benzen</i>		0,001 mg/kg
	<i>Toluen</i>		0,001 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
20	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC, theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 5021A US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,0001 mg/L
	<i>Clo benzen</i>		0,0001 mg/L
	<i>Toluen</i>		0,0001 mg/L
21	Parathion ethyl (Parathion, theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 3660B US EPA 8141B	0,001 mg/kg
		US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 3660B US EPA 8270E	0,001 mg/kg
22	Parathion ethyl (Parathion, theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3660B US EPA 8270E	0,0005 mg/L
23	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ (theo hàm lượng ngâm chiết) (phương pháp chiết lỏng - lỏng)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 3660B US EPA 8270E	
	<i>Parathion ethyl (Parathion)</i>		0,005 mg/L
	<i>Parathion methyl</i>		0,005 mg/L
24	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>cis-Clodan</i>		0,005 mg/kg
	<i>trans-Clodan</i>		0,005 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Endrin</i>		0,005 mg/kg
	α -HCH		0,005 mg/kg
	β -HCH		0,005 mg/kg
	γ -HCH (<i>Lindan</i>)		0,005 mg/kg
	δ -HCH		0,005 mg/kg
	<i>Heptaclo</i>		0,005 mg/kg
	<i>Metoxyclo</i>		0,005 mg/kg
25	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>cis-Clodan</i>		0,004 mg/L
	<i>trans-Clodan</i>		0,004 mg/L
	<i>Endrin</i>		0,004 mg/L
	<i>Metoxyclo</i>		0,004 mg/L
26	Polyclo biphenyl (PCB, theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 52</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 101</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 118</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 138</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 153</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 180</i>		0,015 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
27	Polyclo biphenyl (PCB, theo hàm lượng ngậm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 52</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 101</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 118</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 138</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 153</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 180</i>		0,005 mg/L

6. CHẤT THẢI RẮN

6.1. Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu chất thải rắn	TCVN 9466:2021 TCVN 12058:2017

6.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	pH	US EPA 9045D US EPA 9040C	0 ÷ 14
2	Florua (F ⁻)	US EPA 5050 SMEWW 4500-F ⁻ .B&F:2023	10,0 mg/kg
		US EPA 1311 SMEWW 4500-F ⁻ .B&F:2023	0,2 mg/L
3	Xyanua hoạt động (CN ⁻)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	0,1 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
4	Tổng xyanua (CN^-)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	0,1 mg/kg
5	Tổng dầu	US EPA 9071B	50,0 mg/kg
		US EPA 1311 SMEWW 5520B:2023	3,0 mg/L
6	Crôm VI (Cr^{6+})	US EPA 3060A US EPA 7196A	2,0 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 7196A	0,15 mg/L
7	Bạc (Ag)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
8	Asen (As)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
9	Bari (Ba)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
10	Beri (Be)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
11	Cadimi (Cd)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
12	Coban (Co)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
13	Thủy ngân (Hg)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
14	Molypden (Mo)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
15	Niken (Ni)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,1 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,003 mg/L
16	Chì (Pb)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
17	Antimon (Sb)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,6 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
18	Selen (Se)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
19	Tali (Tl)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
20	Vanadi (V)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,01 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,001 mg/L
21	Kẽm (Zn)	US EPA 3051A US EPA 6020B	0,8 mg/kg
		US EPA 1311 US EPA 6020B	0,012 mg/L
22	Dầu hydrocacbon (theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	$C_{10} - C_{16}$		0,01 mg/kg
	$C_{17} - C_{34}$		0,01 mg/kg
	$C_{35} - C_{40}$		0,01 mg/kg
23	Dầu hydrocacbon (theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	$C_{10} - C_{16}$		0,001 mg/L
	$C_{17} - C_{34}$		0,001 mg/L
	$C_{35} - C_{40}$		0,001 mg/L
24	Các hợp chất phenol và cresol (theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>o</i> -Cresol		0,007 mg/kg
	<i>m</i> -Cresol		0,007 mg/kg
	<i>p</i> -Cresol		0,007 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>2-Clo phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>4-Clo-3-metyl phenol (p-Clo-m-cresol)</i>		0,007 mg/kg
	<i>2,4-Diclo phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>2,6-Diclo phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>2,4-Dimetyl phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>2-Nitro phenol (o-Nitrophenol)</i>		0,007 mg/kg
	<i>4-Nitro phenol (p-Nitrophenol)</i>		0,007 mg/kg
	<i>Pentaclo phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>Phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>2,3,4,6-Tetraclo phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>2,4,5-Triclo phenol</i>		0,007 mg/kg
	<i>2,4,6-Triclo phenol</i>		0,007 mg/kg
25	Các hợp chất phenol và cresol (theo hàm lượng ngậm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>o-Cresol</i>		0,06 µg/L
	<i>m-Cresol</i>		0,06 µg/L
	<i>p-Cresol</i>		0,06 µg/L
	<i>2-Clo phenol</i>		0,6 µg/L
	<i>4-Clo-3-metyl phenol (p-Clo-m-cresol)</i>		0,7 µg/L
	<i>2,4-Diclo phenol</i>		0,7 µg/L
	<i>2,6-Diclo phenol</i>		0,6 µg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>2,4-Dimetyl phenol</i>		0,6 µg/L
	<i>2-Nitro phenol (o-Nitrophenol)</i>		0,6 µg/L
	<i>4-Nitro phenol (p-Nitrophenol)</i>		0,6 µg/L
	<i>Pentaclo phenol</i>		0,8 µg/L
	<i>Phenol</i>		0,6 µg/L
	<i>2,3,4,6-Tetraclo phenol</i>		0,6 µg/L
	<i>2,4,5-Triclo phenol</i>		0,6 µg/L
	<i>2,4,6-Triclo phenol</i>		0,6 µg/L
26	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC, theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 5021A US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,007 mg/kg
	<i>Brom metan</i>		0,007 mg/kg
	<i>Bromofom (Tribrom metan)</i>		0,007 mg/kg
	<i>Clo benzen</i>		0,007 mg/kg
	<i>Clorofom</i>		0,007 mg/kg
	<i>Diclodiflo metan</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,1-Diclo etan</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,2-Diclo etan</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,2-Diclo benzen (o-Diclobenzen)</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,3-Diclo benzen (m-Diclobenzen)</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,4-Diclo benzen (p-Diclobenzen)</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,1-Diclo etylen</i>		0,007 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>trans-1,2-Diclo etylen</i>		0,007 mg/kg
	<i>Dietyl ete</i>		0,007 mg/kg
	<i>Etyl benzen</i>		0,007 mg/kg
	<i>Metyl clorua (Clo metan)</i>		0,007 mg/kg
	<i>Metylen clorua</i>		0,007 mg/kg
	<i>Naphthalene</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,1,1,2-Tetraclo etan</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,1,2,2-Tetraclo etan</i>		0,007 mg/kg
	<i>Tetraclo etylen</i>		0,007 mg/kg
	<i>Tetraclo metan (Cacbon tetraclorua)</i>		0,007 mg/kg
	<i>Toluen</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,2,4-Triclo benzen</i>		0,007 mg/kg
	<i>1,1,2-Triclo etan</i>		0,007 mg/kg
	<i>Triclo etylen</i>		0,007 mg/kg
	<i>o-Xylen</i>		0,007 mg/kg
	<i>m-Xylen</i>		0,007 mg/kg
	<i>p-Xylen</i>		0,007 mg/kg
27	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC, theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 5021A US EPA 8260D	
	<i>Benzen</i>		0,07 mg/L
	<i>Brom metan</i>		0,07 mg/L
	<i>Bromofom (Tribrom metan)</i>		0,07 mg/L

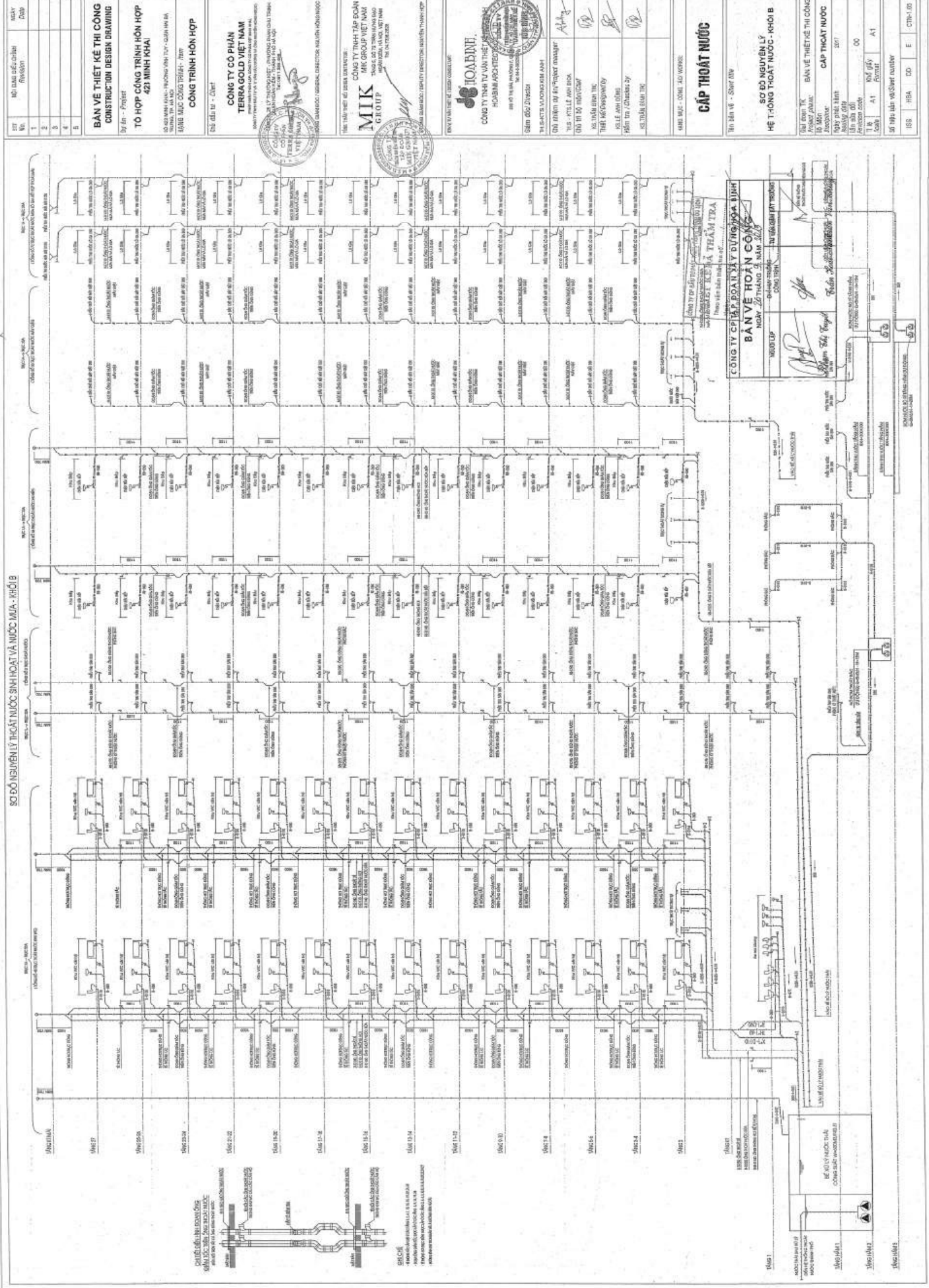
TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Clo benzen</i>		0,07 mg/L
	<i>Clorofom</i>		0,07 mg/L
	<i>Diclodiflo metan</i>		0,07 mg/L
	<i>1,1-Diclo etan</i>		0,07 mg/L
	<i>1,2-Diclo etan</i>		0,07 mg/L
	<i>1,2-Diclo benzen (o-Diclobenzen)</i>		0,07 mg/L
	<i>1,3-Diclo benzen (m-Diclobenzen)</i>		0,07 mg/L
	<i>1,4-Diclo benzen (p-Diclobenzen)</i>		0,07 mg/L
	<i>1,1-Diclo etylen</i>		0,07 mg/L
	<i>trans-1,2-Diclo etylen</i>		0,07 mg/L
	<i>Dietyl ete</i>		0,07 mg/L
	<i>Etyl benzen</i>		0,07 mg/L
	<i>Metyl clorua (Clo metan)</i>		0,07 mg/L
	<i>Metylen clorua</i>		0,07 mg/L
	<i>Naphthalene</i>		0,07 mg/L
	<i>1,1,1,2-Tetraclo etan</i>		0,07 mg/L
	<i>1,1,2,2-Tetraclo etan</i>		0,07 mg/L
	<i>Tetraclo etylen</i>		0,07 mg/L
	<i>Tetraclo metan (Cacbon tetraclorua)</i>		0,07 mg/L
	<i>Toluen</i>		0,07 mg/L
	<i>1,2,4-Triclo benzen</i>		0,07 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>1,1,2-Triclo etan</i>		0,07 mg/L
	<i>Triclo etylen</i>		0,07 mg/L
	<i>o-Xylen</i>		0,07 mg/L
	<i>m-Xylen</i>		0,07 mg/L
	<i>p-Xylen</i>		0,07 mg/L
28	Hydrocacbon thơm đa vòng (PAH, theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>Acenaphthene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Anthracene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Benz[a]anthracene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Benzo[a]pyrene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Benzo[k]fluoranthene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Chrysene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Dibenz[a,h]anthracene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Fluoranthene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Naphthalene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Phenanthrene</i>		0,007 mg/kg
	<i>Pyrene</i>		0,007 mg/kg
29	Hydrocacbon thơm đa vòng (PAH, theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>Acenaphthene</i>		0,006 mg/L
	<i>Anthracene</i>		0,006 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>Benz[a]anthracene</i>		0,006 mg/L
	<i>Benzo[a]pyrene</i>		0,006 mg/L
	<i>Benzo[k]fluoranthene</i>		0,006 mg/L
	<i>Chrysene</i>		0,006 mg/L
	<i>Dibenz[a,h]anthracene</i>		0,006 mg/L
	<i>Fluoranthene</i>		0,006 mg/L
	<i>Naphthalene</i>		0,006 mg/L
	<i>Phenanthrene</i>		0,006 mg/L
	<i>Pyrene</i>		0,006 mg/L
30	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ (theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3660B US EPA 8270E	
	<i>Parathion ethyl (Parathion)</i>		0,003 mg/kg
	<i>Parathion methyl</i>		0,003 mg/kg
31	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ (theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	
	<i>Parathion ethyl (Parathion)</i>		0,0005 mg/L
	<i>Parathion methyl</i>		0,0005 mg/L
32	Hóa chất BVTV clo hữu cơ	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>Aldrin</i>		0,002 mg/kg
	<i>cis-Clodan</i>		0,002 mg/kg

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>trans-Clodan</i>		0,002 mg/kg
	<i>2,4'-DDD</i>		0,002 mg/kg
	<i>4,4'-DDD</i>		0,002 mg/kg
	<i>2,4'-DDE</i>		0,002 mg/kg
	<i>4,4'-DDE</i>		0,002 mg/kg
	<i>2,4'-DDT</i>		0,002 mg/kg
	<i>4,4'-DDT</i>		0,002 mg/kg
	α -HCH		0,002 mg/kg
	β -HCH		0,003 mg/kg
	γ -HCH (Lindan)		0,002 mg/kg
	δ -HCH		0,002 mg/kg
33	Polyclo biphenyl (PCB, theo hàm lượng tuyệt đối)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 52</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 101</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 118</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 138</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 153</i>		0,015 mg/kg
	<i>PCB 180</i>		0,015 mg/kg
34	Polyclo biphenyl (PCB, theo hàm lượng ngâm chiết)	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	
	<i>PCB 28</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 52</i>		0,005 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
	<i>PCB 101</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 118</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 138</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 153</i>		0,005 mg/L
	<i>PCB 180</i>		0,005 mg/L



STT	NOI DUNG	THAY
NO	CONTENT	DATE
1		
2		
3		
4		
5		

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
CONSTRUCTION DESIGN DRAWING

Tên dự án - Project
TỔ HỢP CÔNG TRÌNH HỒN HỢP 433 MINH KHAI

Mô tả công trình - Project Description
Hàng Máng Cầu Trượt - NET

CÔNG TRÌNH HỒN HỢP

Chủ đầu tư - Client
CÔNG TY CỔ PHẦN TERRA GOLD VIỆT NAM

Địa chỉ: 17, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0903 123 456
Email: info@terragold.vn

Đơn vị thiết kế kiến trúc
MKS GROUP

Địa chỉ: 17, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0903 123 456
Email: info@mks.vn

Đơn vị thi công
HOÀNG ANH THI CÔNG

Địa chỉ: 17, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0903 123 456
Email: info@hoanganh.vn

Đơn vị tư vấn giám sát
THIẾT KẾ KINH THÀNH

Địa chỉ: 17, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0903 123 456
Email: info@thietkekinhthanh.vn

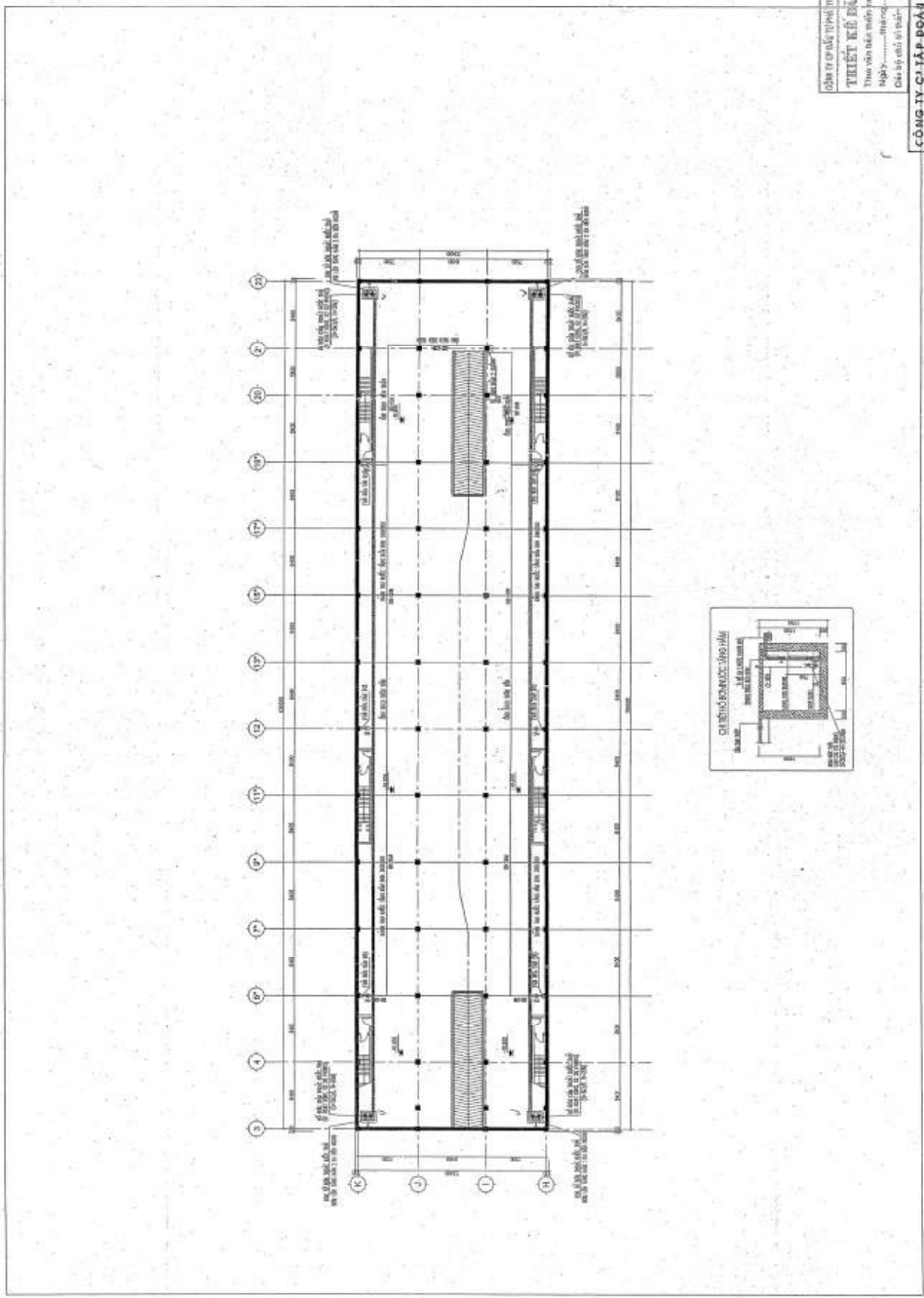
CẤP THOÁT NƯỚC

Hàng Máng Cầu Trượt - NET

MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG HẦM 3

Tên bản vẽ - Sheet Name

Đơn vị thiết kế kiến trúc	Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát
MKS GROUP	HOÀNG ANH THI CÔNG	THIẾT KẾ KINH THÀNH
Địa chỉ: 17, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM	Địa chỉ: 17, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM	Địa chỉ: 17, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0903 123 456	Số điện thoại: 0903 123 456	Số điện thoại: 0903 123 456
Email: info@mks.vn	Email: info@hoanganh.vn	Email: info@thietkekinhthanh.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀ BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 25 tháng 09 năm 2019

Thi công: *[Signature]*
Kiểm tra: *[Signature]*
Chủ đầu tư: *[Signature]*

MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG HẦM 3

STT	HỌ TÊN ĐIỀU HÀNH	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Văn Anh	Chủ đầu tư
2	Nguyễn Văn Bình	Chủ đầu tư
3		
4		
5		

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
CONSTRUCTION DESIGN DRAWING

Dự án: Dự án
TỔ HỢP CÔNG TRÌNH HỒN HỢP 433 MINH KHAI

Hạng mục công trình: Nhà ở
CÔNG TRÌNH HỒN HỢP

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần
TERRA GOLD VIỆT NAM

Địa chỉ: 10/10 Nguyễn Văn Bình, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

M&E GROUP

Đơn vị thiết kế: M&E GROUP

Địa chỉ: 10/10 Nguyễn Văn Bình, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

HOA BÌNH

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ HOA BÌNH

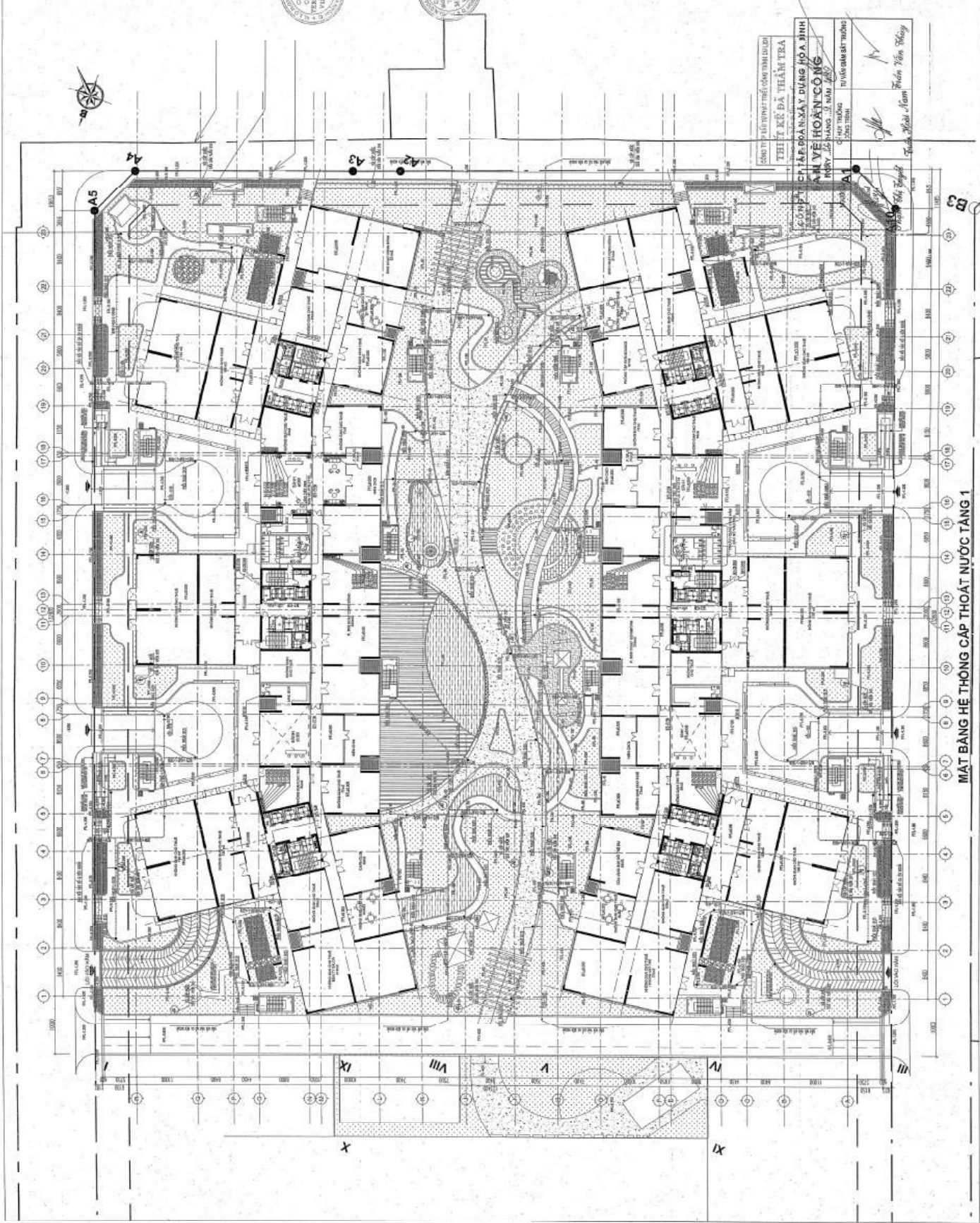
Địa chỉ: 10/10 Nguyễn Văn Bình, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

CẤP THOÁT NƯỚC

Thiết kế: 10/10 Nguyễn Văn Bình, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

MAT BANG HE THONG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG 1

Thiết kế: 10/10 Nguyễn Văn Bình, Phường 10, Quận 10, TP. HCM



MAT BANG HE THONG CẤP THOÁT NƯỚC TẦNG 1

STT	Mô tả công việc	Ngày
Sl.	Task	Date
1	Thiết kế kiến trúc	
2	Thiết kế kết cấu	
3	Thiết kế MEP	
4		
5		

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
CONSTRUCTION DESIGN DRAWING

Dự án: Dự án
TỔ HỢP CÔNG TRÌNH HỒN HỢP
123 MINH KHAI

Hạng mục công trình: Bùn
CÔNG TRÌNH HỒN HỢP

Chủ đầu tư: DNTN
CÔNG TY CỔ PHẦN
TERA GOLD VIỆT NAM

Địa chỉ: 123 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 0912 345 678
Email: info@teragold.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC: GENERAL DIRECTOR
MÔ TẢ CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ: ARCHITECT
KẾT CẤU: STRUCTURE
M&E: MECHANICAL & ELECTRICAL

THIẾT KẾ: ARCHITECT
KẾT CẤU: STRUCTURE
M&E: MECHANICAL & ELECTRICAL

HOÀNG BÌNH
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KINH DOANH
HỒN HỢP KINH DOANH

Địa chỉ: 123 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 0912 345 678
Email: info@teragold.vn

HOÀNG BÌNH
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KINH DOANH
HỒN HỢP KINH DOANH

Địa chỉ: 123 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 0912 345 678
Email: info@teragold.vn

HOÀNG BÌNH
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KINH DOANH
HỒN HỢP KINH DOANH

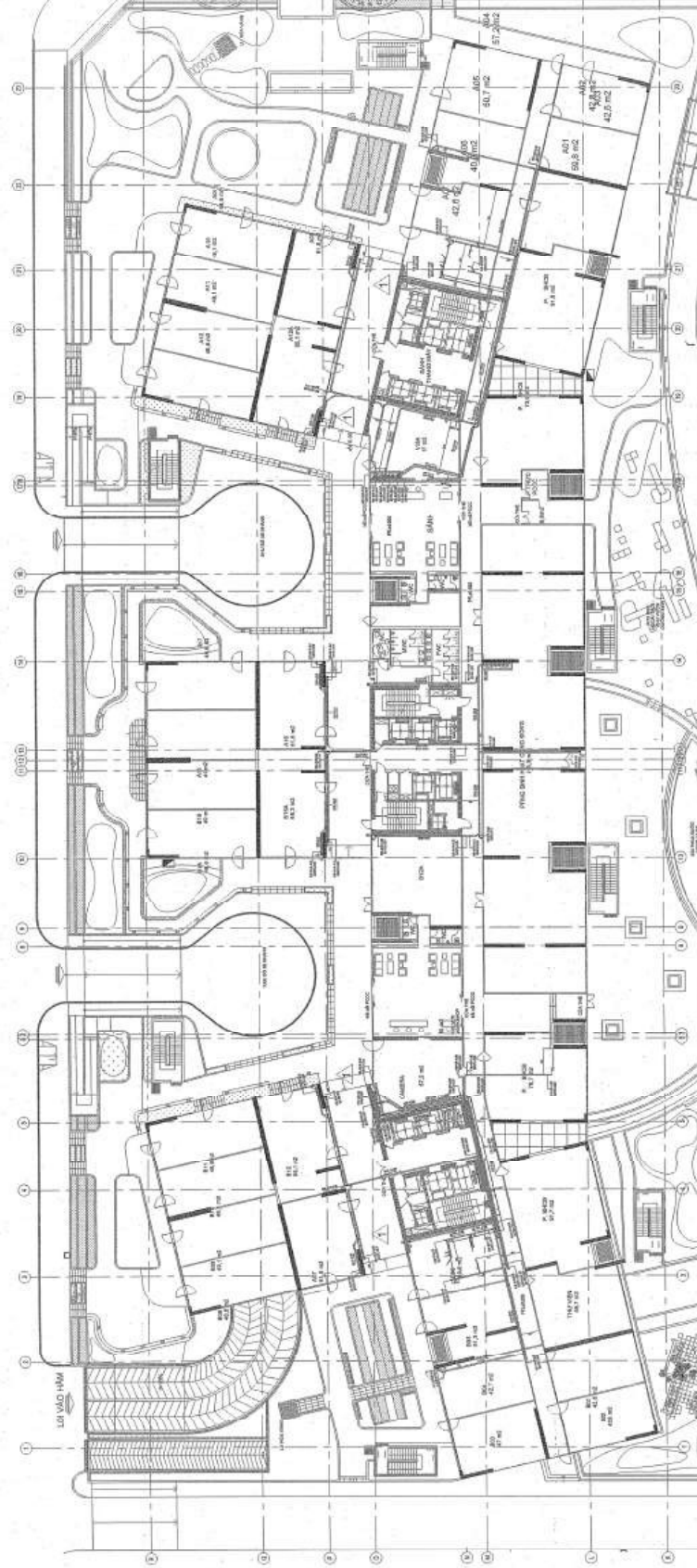
Địa chỉ: 123 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 0912 345 678
Email: info@teragold.vn

CẤP THOÁT NƯỚC

Thiết kế: 123 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 0912 345 678
Email: info@teragold.vn

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC
TRẦN TẦNG 1 - BLOCK B

Thiết kế: 123 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 0912 345 678
Email: info@teragold.vn



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TRẦN TẦNG 1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ KINH DOANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày: 12/12/2023

THIẾT KẾ: ARCHITECT
KẾT CẤU: STRUCTURE
M&E: MECHANICAL & ELECTRICAL

THIẾT KẾ: ARCHITECT
KẾT CẤU: STRUCTURE
M&E: MECHANICAL & ELECTRICAL

GHI CHÚ:

1. BỐ PHỐ: CAO TỌA ĐÓNG SỔ VÀ SÀN HẦM TRẦN TẦNG 1
2. ĐƠN VỊ: 1/100 (TỶ LỆ BẢN VẼ 1:100)
3. PHẠM VI: 123 MINH KHAI - CHUẨN DAI
4. PHẠM VI: 123 MINH KHAI - CHUẨN DAI
5. PHẠM VI: 123 MINH KHAI - CHUẨN DAI

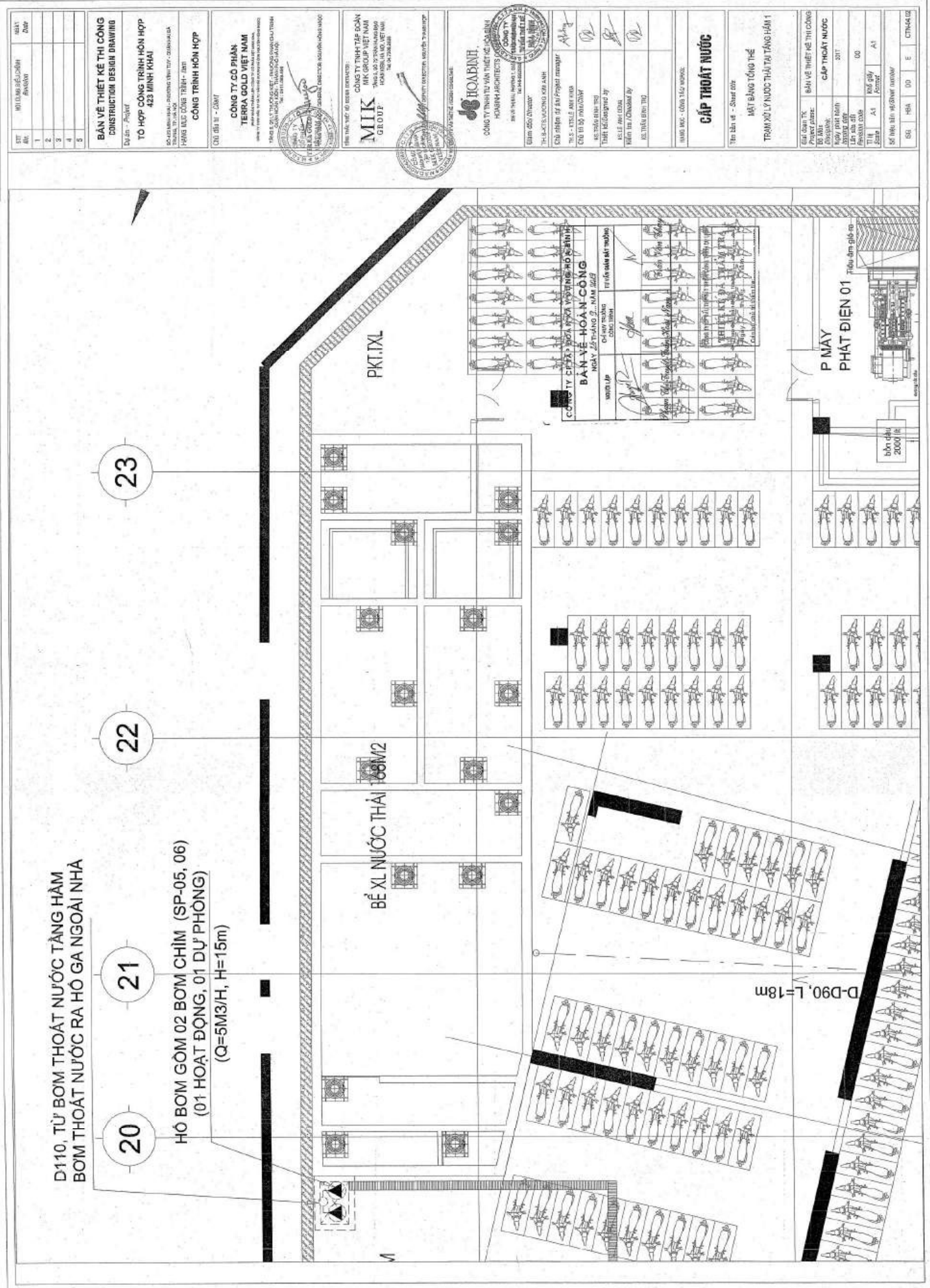


KEY PLAN

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI - THÁP A



DANH SÁCH CÁC TÊN THIẾT BỊ VÀ THIẾT BỊ	
THIẾT BỊ ĐÃ THẨM TRA	
Theo văn bản pháp luật	
Ngày.....tháng.....năm.....	
Cán bộ phụ trách.....	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ NẮP THẨM

[illegible]

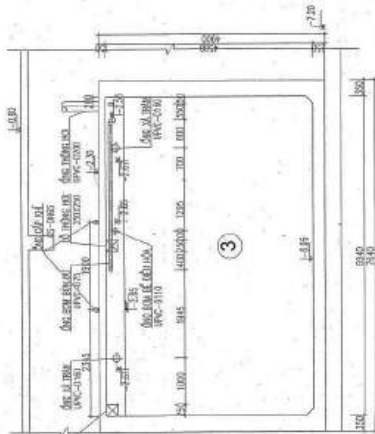
ONSA TV CŨNG TỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MỚI
THIỆT KẾ ĐÃ THẮM TRÁ
 Theo văn bản thiết kế số
 Ngày tháng năm
 Giám đốc dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HỮA BÌNH BẢN VỆ HOÀN CÔNG NGÀY 15 THÁNG 9, NĂM 2013	HỒ SƠ DẪN 	CHỮ KÝ CHỦ ĐẦU TƯ (Ký tên)	TỰ KÝ CHỦ ĐẦU TƯ 
PHẠM VĂN THƯỜNG Trưởng Ban Quản Lý		PHẠM VĂN THƯỜNG	

[illegible]

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT: 630M³/NGÀY

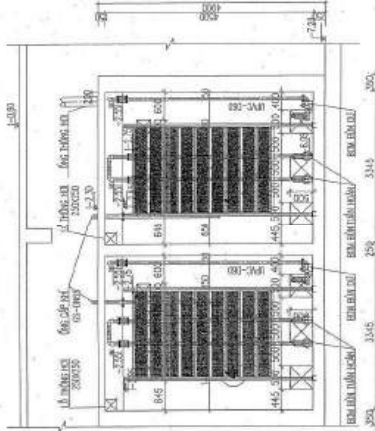
MẮT CẮT D-D



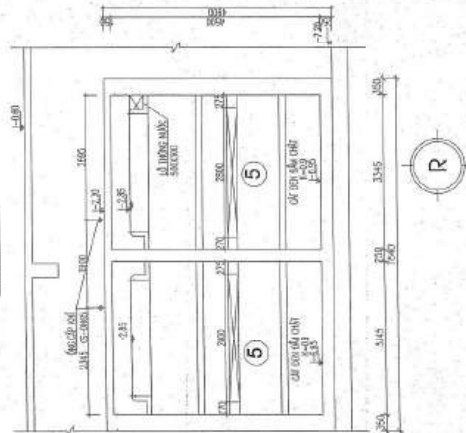
MẶT CẮT C-C



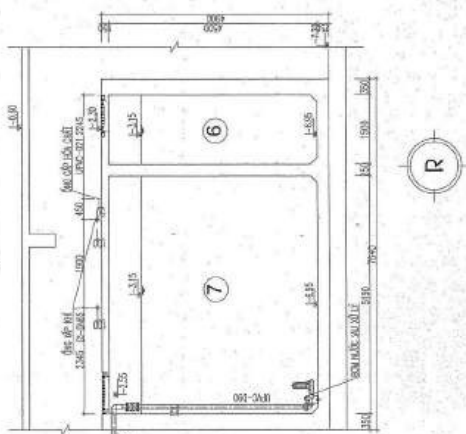
MẮT CÀT E-E



MẮT CẮT F-F



MẶT CẮT G-G



GHI OHI

- | | | | |
|---|---------------|--|---------------|
| ① | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ② | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ③ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ④ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑤ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑥ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑦ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑧ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑨ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑩ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑪ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑫ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑬ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑭ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑮ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑯ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑰ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑱ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑲ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ⑳ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉑ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉒ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉓ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉔ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉕ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉖ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉗ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉘ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉙ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉚ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉛ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉜ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉝ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉞ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㉟ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊱ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊲ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊳ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊴ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊵ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊶ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊷ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊸ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊹ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊺ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊻ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊼ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊽ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊾ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |
| ㊿ | đ. Văn ch. uy | | Đ. Văn Ch. Uy |

[illegible]

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Thảo luận bản thẩm tra số.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Cán bộ chủ trì thẩm tra:.....

[illegible]

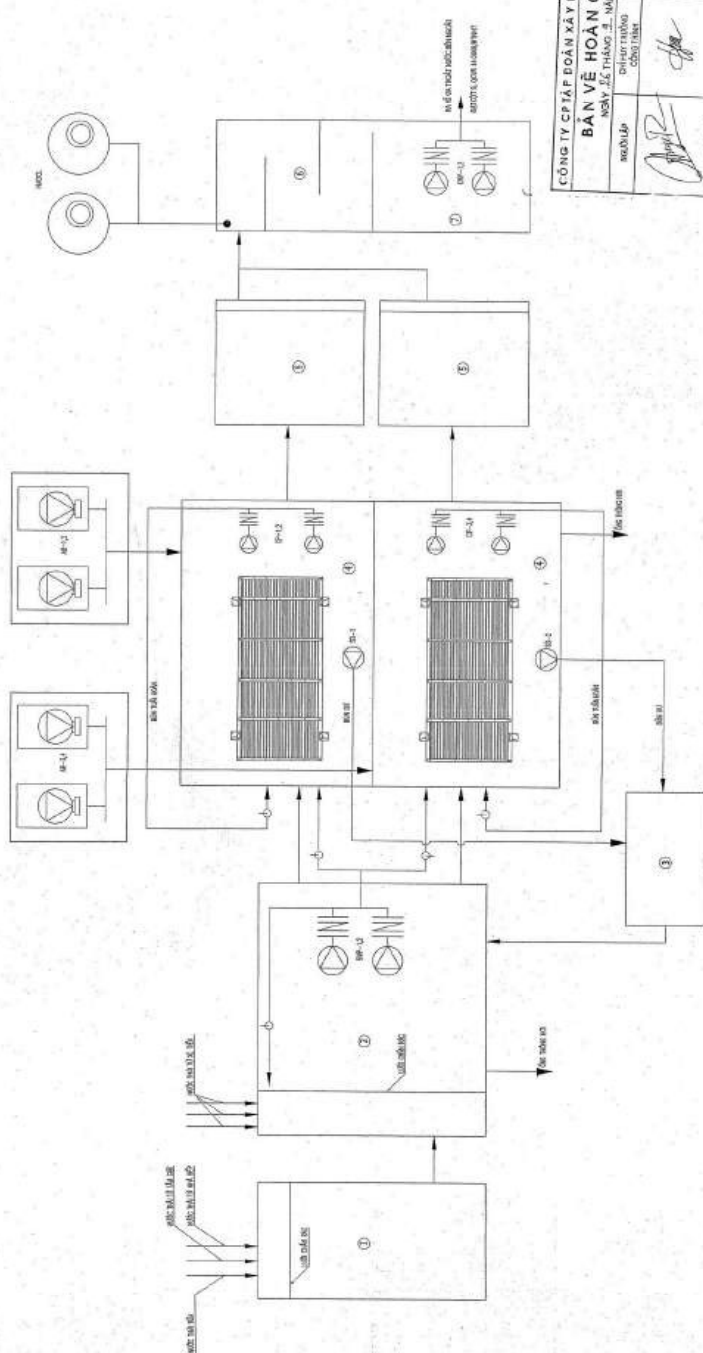
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI - THÁP B



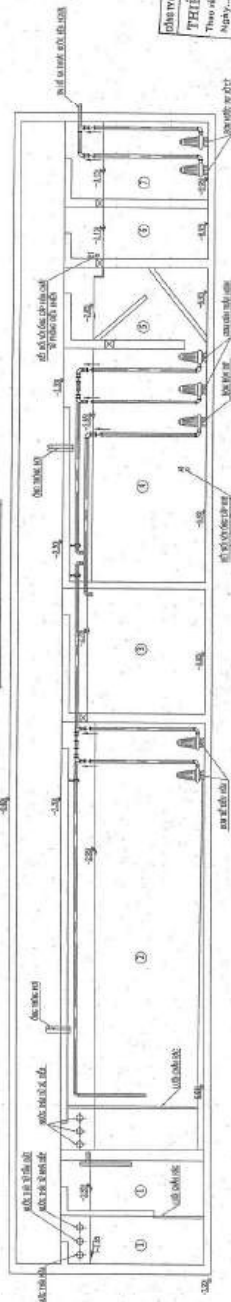
CÔNG TY CỔ PHẦN THẢI THỨC CHĂN TRAM B	
THIỆT KẾ BÀ THẨM TRA	
Thao tác và lập hồ sơ:	
Nhà:	
Cấp:	

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SÁT: GINENG

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ



SƠ ĐỒ CAO TRÌNH CÔNG NGHỆ



TT	VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SL
1	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	1
2	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
3	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	4
4	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
5	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
6	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
7	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
8	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
9	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
10	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
11	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2

TT	VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SL
1	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	1
2	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
3	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	4
4	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
5	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
6	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
7	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
8	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
9	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
10	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
11	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2

TT	VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SL
1	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	1
2	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
3	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	4
4	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
5	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
6	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
7	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
8	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
9	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
10	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
11	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2

TT	VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SL
1	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	1
2	LƯỚI CHÀM MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
3	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	4
4	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
5	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
6	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
7	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
8	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
9	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
10	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2
11	ĐÁ MẮC ĐỂ THU GẬP CỎ	CHỖ	2

STT	HỌ TÊN BỐ LẠCH	NGÀY
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...
5	...	...

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
CONSTRUCTION DESIGN DRAWING

TÊN DỰ ÁN - Project
TÊN CÔNG TRÌNH - Project Name
423 MINH KHAI

HÀNG MỤC CÔNG TRÌNH - List
CÔNG TRÌNH HỒN HỢP

CHỦ ĐẦU TƯ - Client
CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer

CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer

CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer

CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer

CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer

CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

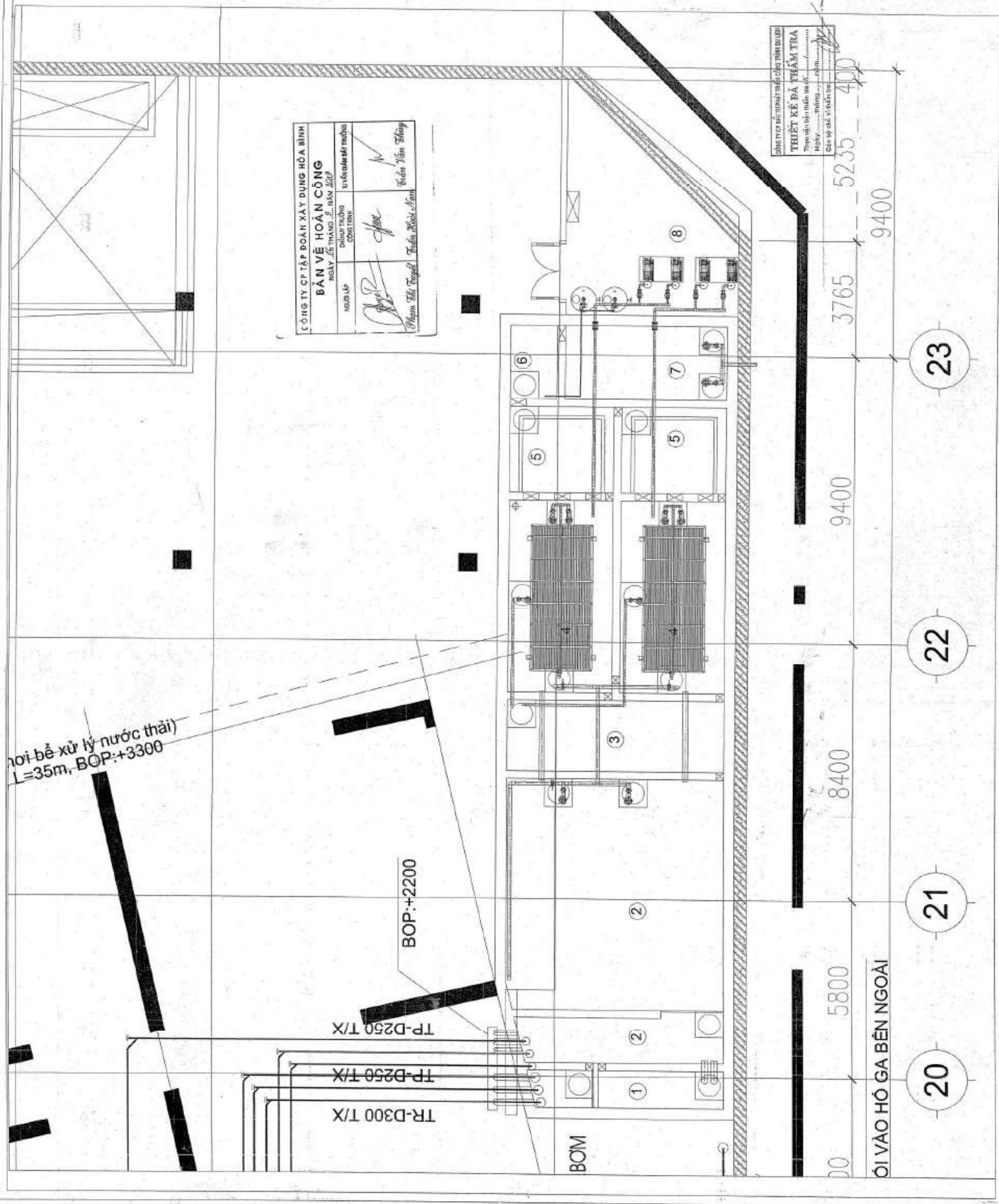
THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer

CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer

CÔNG TY CỔ PHẦN
TERRA GOLD VIỆT NAM

THÀNH VIÊN - Members
TRƯỞNG TIẾP - Chief Architect
TRƯỞNG THI CÔNG - Chief Engineer



This architectural floor plan shows a building layout with various rooms and corridors. The plan is oriented with a north arrow at the top, labeled 'A'. The rooms are numbered 1 through 7. The dimensions of the rooms and corridors are provided in meters. The overall dimensions of the building are 10.00m by 10.00m. The rooms are arranged in a grid-like fashion, with a central corridor and a large room (7) at the top right. The rooms are numbered 1 through 7. The dimensions of the rooms and corridors are provided in meters. The overall dimensions of the building are 10.00m by 10.00m.

[illegible]

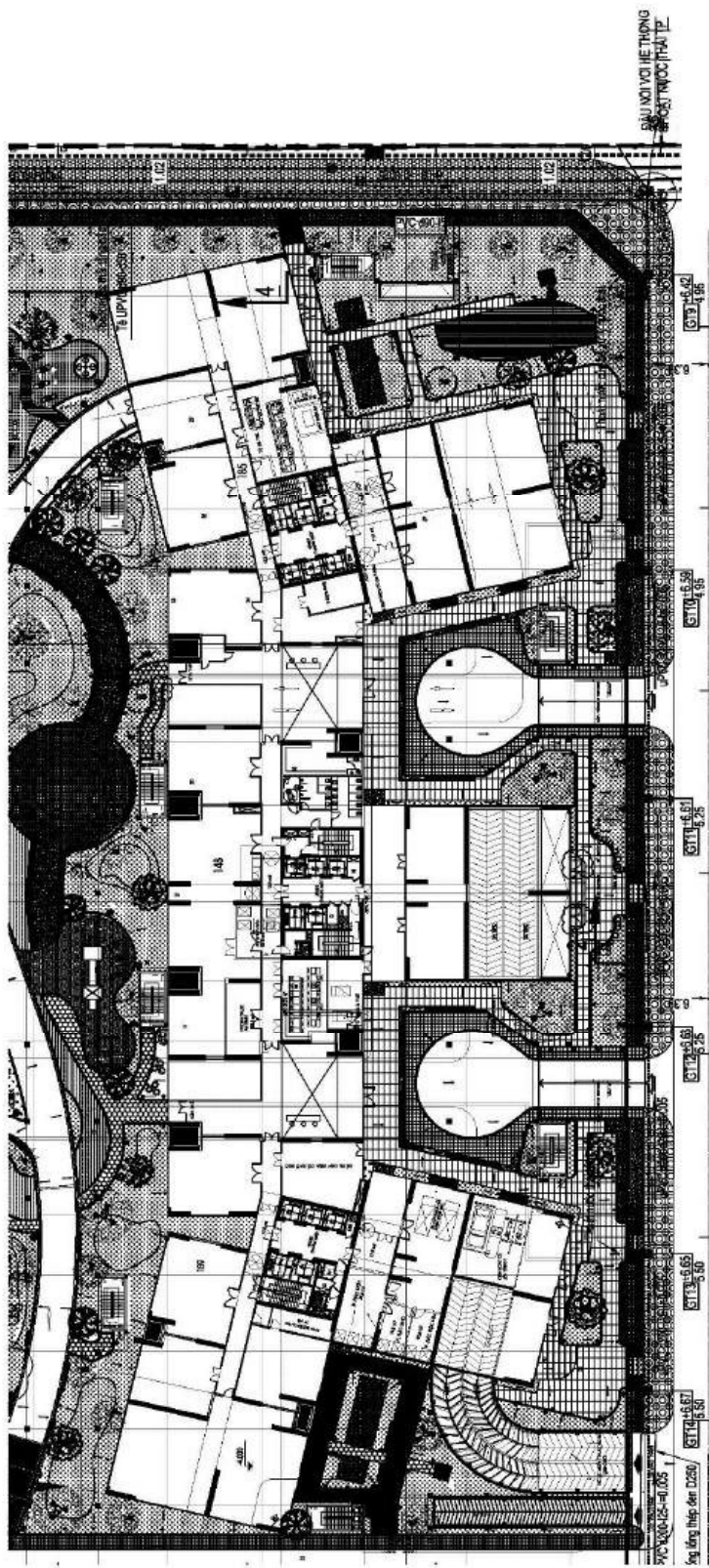
① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ ⑪ ⑫ ⑬ ⑭ ⑮ ⑯ ⑰ ⑱ ⑲ ⑳ ㉑ ㉒ ㉓ ㉔ ㉕ ㉖ ㉗ ㉘ ㉙ ㉚ ㉛ ㉜ ㉝ ㉞ ㉟ ㊱ ㊲ ㊳ ㊴ ㊵ ㊶ ㊷ ㊸ ㊹ ㊺ ㊻ ㊼ ㊽ ㊾ ㊿

KÔNG TY CỔ PHẦN ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lam Thi Thanh Hoi Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 "THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA"
 Theo văn bản trên cơ sở.....
 Ngày.....tháng.....năm.....
 Cán bộ chức trách.....

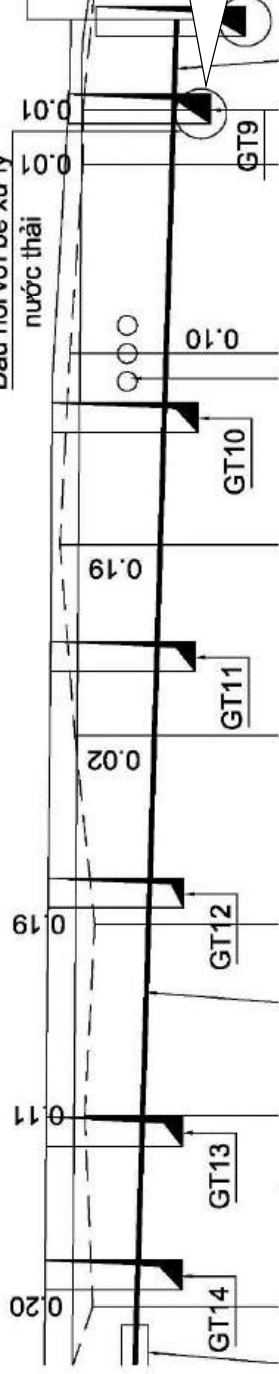
[illegible]



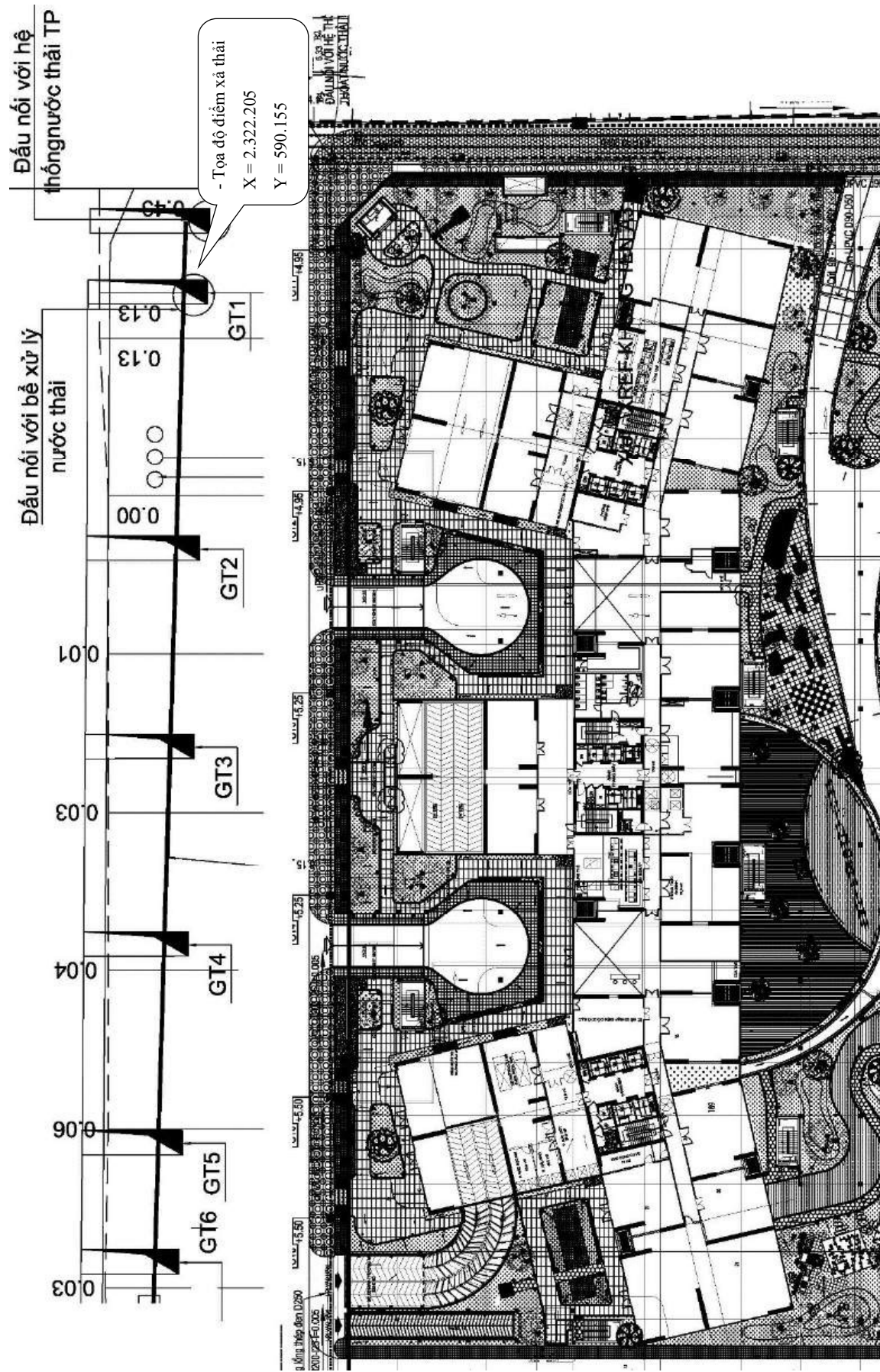
Đầu nối với hệ thống nước thải TP

- Tọa độ điểm xả khối nhà A:
X: 2.322.172
Y: 590.023

Đầu nối với bể xử lý nước thải



Mặt bằng hệ thống thoát nước thải tòa A



Mặt bằng hệ thống thoát nước thải tòa B